

Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á

Hàn Quốc



Ấn phẩm EABC



Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á

HỘI ĐỒNG KINH DOANH ĐÔNG Á

Liên hệ: Bà Lew Yeng Zhi

Điện thoại: +6 03 62867320

Fax: +6 03 62741266/7288

E-mail: yeng_zhi@fmm.org.my, eabc@fmm.org.my

Địa chỉ: Wisma FMM, Số 3 Persiaran Dagang PJU9 Bandar Sri Damansara, 52200 Kuala Lumpur

GIÁM SÁT

Xu Liang, Đồng chủ tịch Nhóm công tác MSME của EABC

TỔNG BIÊN TẬP

Qin Yang, Thành viên Ủy ban Chuyên gia, CCPIT

BIÊN TẬP VIÊN

Kang Zengkui, Giáo sư

Shen Meng, Phó Giáo sư

Wang Yang, Phó Giáo sư

Zhang Dongyang, Phó Giáo sư

Zhao Lingfei, Giảng viên

ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ KINH DOANH THỦ ĐÔ, TRUNG QUỐC

Xu Chen, Phó Giáo sư

ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI, TRUNG QUỐC

Yuan Yang

Zhang Chengwei

HẢI QUAN NANJING, TRUNG QUỐC

Hu Hui

Wu Yanan

Zhang Yali

Zhou Yu

HẢI QUAN XIAMEN, TRUNG QUỐC

Li Zongfen

Lu Xingyu

Qin Yang

Wu Li

Xie Chengning

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUỐC TẾ, TRUNG QUỐC

HIỆU ĐÍNH

Lang Lihua, Giáo sư, Đại học Kinh tế và Kinh doanh Thủ đô, Trung Quốc

Qin Yang, Thành viên Ủy ban Chuyên gia, CCPIT

Wang Donghong, Tổng cục trưởng, NETC, Tổng cục Hải quan Trung Quốc

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH

May mắn có được sự gần gũi về vị trí địa lý, sự giao thoa giữa các nền văn hóa, quan hệ kinh doanh chặt chẽ và các lợi thế tự nhiên cho việc hợp tác kinh tế và thương mại, Đông Á là một trong những khu vực có nhiều tiềm năng và triển vọng phát triển nhất trên thế giới. Kể từ khi thành lập vào năm 2004, Hội đồng Doanh nghiệp Đông Á (EABC) luôn tin tưởng rằng thương mại xuyên biên giới, tự do hóa và thuận lợi hóa đầu tư là tiền đề và nền tảng để các nước Đông Á thúc đẩy tiến bộ công nghiệp, giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao chất lượng phát triển kinh tế. EABC từ lâu đã nỗ lực giảm thiểu các rào cản thương mại, đầu tư và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện thương mại và đầu tư xuyên biên giới.



Vào năm 2018, EABC đã đồng ý biên soạn Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á và coi đó là ưu tiên hàng đầu trong công việc hàng năm của Hội đồng vào năm 2019. Hôm nay, Sách điện tử chính thức được ra mắt, với kỳ vọng sẽ tăng cường chia sẻ thông tin kinh tế và thương mại trong khu vực và cải thiện hơn nữa việc tạo thuận lợi thương mại và kết nối giữa các nước Đông Á.

Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á bao gồm các hướng dẫn về thủ tục Hải quan ở 13 quốc gia Đông Á, với 24 nội dung chính liên quan đến việc thông quan hàng hóa như hệ thống pháp luật, thủ tục thông quan,

các lệnh cấm và hạn chế, thu thuế (bao gồm phân loại, định giá, quy tắc xuất xứ), thống kê thương mại, các vi phạm và trừng phạt, FTA, AEO, v.v. Sách điện tử được xuất bản điện tử bằng tiếng Anh, cung cấp cho các công ty tài liệu tham khảo thực tế về thương mại quốc tế.

Tôi tin rằng Sách điện tử sẽ giúp các doanh nghiệp trong khu vực, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đầu tư và tài trợ, phát triển thị trường quốc tế. Chúng tôi mong rằng các doanh nghiệp sẽ tận dụng được lợi thế của Sách điện tử để chủ động tìm hiểu thị trường khu vực và đạt được các mục tiêu phát triển.

Lu Pengqi
Chủ tịch EABC 2019

LỜI CẢM ƠN

Xin gửi lòng biết ơn chân thành và sự trân trọng sâu sắc tới Ủy ban Trung Quốc, Hội đồng Doanh nghiệp Đông Á (gọi tắt là EABC Trung Quốc, cũng là Hội đồng Xúc tiến Thương mại Quốc tế Trung Quốc - CCPIT), đã tổ chức, hỗ trợ và tài trợ cho ấn bản và xuất bản Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á nhằm cung cấp cho các nhà sản xuất, thương nhân và các nhà cung cấp dịch vụ liên quan thông tin toàn diện và tài liệu tham khảo chi tiết về các thủ tục Hải quan ở 10 nước thành viên ASEAN cùng với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, điều này là một đóng góp độc đáo, sáng tạo và đáng kể cho khu vực cũng như cộng đồng thương mại quốc tế.

Xin gửi lời tri ân chân thành tới Ban Thư ký Hợp tác Ba bên (TCS) vì đã hỗ trợ và tài trợ một phần cho Sách điện tử của Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, đồng thời gửi lời cảm ơn tới Tiểu hội đồng CCPIT Quảng Tây vì đã hỗ trợ dự án.

Xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến tất cả các thành viên trong nhóm biên tập, nhóm hiệu đính, nhóm dự án vì những nỗ lực không ngừng và gian khổ của họ trong suốt quá trình thực hiện ấn phẩm.

LỜI BIÊN TẬP VIÊN

Các thủ tục hải quan ở hầu hết các quốc gia thường rất chuyên nghiệp, đa dạng, có tính kỹ thuật, phức tạp, không rõ ràng và thậm chí là bế tắc đối với các nhà sản xuất, thương nhân và nhà cung cấp dịch vụ liên quan xuyên biên giới, đôi khi thậm chí gây ra những “rào cản” vô hình đáng kể đối với thương mại. Vì vậy, tất cả các bên liên quan trong thời gian tới cần tìm thông tin, dữ liệu và tài liệu tham khảo toàn diện, chi tiết và cụ thể nhất có thể tham khảo ở các quốc gia khác nhau để nâng cao năng lực và hiệu quả của thương mại xuyên biên giới.

Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á nhằm đem lại một bức tranh tổng thể liên quan đến hầu hết các khía cạnh của thủ tục Hải quan ở 10 nước thành viên ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Đối với mỗi cuốn sách điện tử, khung nội dung cơ bản gồm 24 phần với sự điều chỉnh linh hoạt nhất định theo tình hình cụ thể của từng quốc gia.

Việc biên tập thể loại sách điện tử toàn cảnh không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, các biên tập viên đã phải đối mặt với những thách thức đáng kể bao gồm trình độ tiếng Anh, năng lực chuyên môn và quan trọng nhất là có rất hạn chế các thông tin và tài liệu tiếng Anh để tham khảo.

Nội dung của mỗi cuốn sách điện tử dựa trên thông tin và tài liệu hiện có sẵn bằng tiếng Anh, chủ yếu có trong các ấn phẩm và trên trang web của các cơ quan Hải quan liên quan, các ban ngành và cơ quan chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức nghề nghiệp tư nhân. Các biên tập viên tin rằng việc lựa chọn và sử dụng thông tin công khai sẽ không ảnh hưởng đến lợi ích của các tổ chức nêu trên và chân thành đánh giá cao các tổ chức đã công bố thông tin và ấn phẩm của họ.

Trong quá trình biên tập, thách thức lớn nhất và khó khăn nhất đó là việc thiếu thông tin và tài liệu bằng tiếng Anh, những thứ vốn rất hạn chế ở hầu hết các nước và thậm chí rất thiếu, rất khan hiếm ở một số nước. Do đó, một số trích dẫn từ các trang web chính thức và trích dẫn từ các văn bản pháp lý vẫn xuất hiện trong sách điện tử.

Là một dự án thí điểm đáng chú ý đầu tiên trong các lĩnh vực, Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á không phải một phiên bản hoàn hảo và không có sai sót, mà chúng tôi đáp ứng yêu cầu về chất lượng của đa số và sẽ tiếp tục cải thiện phần còn lại trong tương lai.

BẢNG VIẾT TẮT

AEO	Doanh nghiệp được Ủy quyền
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương
APTA	Hiệp định Thương mại châu Á – Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEM	Diễn đàn hợp tác Á - Âu
ATA	Sự kết hợp giữa các chữ cái đầu của cụm từ tiếng Pháp “Admission Temporaire” và tiếng Anh “Temporary Admission”
CCCN	Danh mục Hội đồng Hợp tác Hải Quan
CITES	Công ước về Thương mại quốc tế Các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp
CMAA	Hiệp định Tương trợ Hải Quan
EDI	Trao đổi dữ liệu điện tử
EU	Liên minh châu Âu
FEZ	Khu vực kinh tế tự do
FTA	Hiệp định thương mại tự do
FTZ	Khu vực thương mại tự do
GATT	Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
KCS	Tổng Cục Thuế quan Hàn Quốc
MFN	Nguyên tắc tối huệ quốc
MOTIE	Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng
PCA	Kiểm tra sau thông quan

TFA	Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại
VAT	Thuế giá trị gia tăng
WCO	Tổ chức Hải quan Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU VỀ HẢI QUAN HÀN QUỐC	1
1.1 Chức năng	1
1.2 Nhiệm vụ	2
1.3 Cơ cấu tổ chức	2
2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HẢI QUAN	4
2.1 Luật Hải quan.....	4
2.2 Luật liên quan	5
3. THỦ TỤC THÔNG QUAN	6
3.1 Thủ tục nhập khẩu thông thường.....	6
3.2 Thủ tục nhập khẩu tối giản	13
3.3 Thủ tục xuất khẩu thông thường.....	17
3.4 Yêu cầu về tài liệu	20
4. HỆ THỐNG UNI-PASS	24
4.1 Cấu trúc hệ thống.....	24
4.2 Dịch vụ hỗ trợ	25
4.3 Những thành tựu của UNI-PASS	26
5. DỊCH VỤ KHAI THUẾ HẢI QUAN	26
5.1 Nhà môi giới Hải quan được cấp phép	27
5.2 Chứng chỉ và Kiểm tra	28
5.3 Đăng ký và Khai công.....	28
5.4 Nghĩa vụ	29
5.5 Tổng công ty Dịch vụ Hải quan.....	30
5.6 Tổng công ty Xử lý Dịch vụ Hải quan	31

5.7	Hiệp hội Môi giới Hải quan	31
6.	AN NINH HẢI QUAN	32
6.1	Các loại bảo mật	32
6.2	Bảo mật toàn diện.....	34
7.	ĐIỀU CẤM VÀ HẠN CHẾ	35
7.1	Kiểm soát xuất khẩu	35
7.2	Kiểm soát nhập khẩu	37
7.3	Bảo vệ Động vật và Thực vật hoang dã.....	38
8.	NGHĨA VỤ HẢI QUAN VÀ THUẾ.....	39
8.1	Tóm tắt về thuế nhập khẩu.....	39
8.2	Thuế suất	40
8.3	Miễn và miễn giảm.....	42
8.4	Nghĩa vụ bổ sung	46
8.5	Thuế VAT và Thuế tiêu thụ đặc biệt	47
8.6	Phí Hải quan và Phụ phí.....	47
9.	PHÂN LOẠI HS	48
10.	ĐỊNH GIÁ HẢI QUAN	49
10.1	Phương pháp đầu tiên	49
10.2	Phương pháp thứ hai.....	51
10.3	Phương pháp thứ ba	51
10.4	Phương pháp thứ tư	51
10.5	Phương pháp thứ năm	51
10.6	Phương pháp thứ sáu	51
10.7	Giá trị không chấp thuận.....	52
11.	QUY TẮC XUẤT XỨ	52
11.1	Tiêu chí xác định	53
11.2	Giấy chứng nhận xuất xứ	54
12.	QUY TẮC NÂNG CẤP HẢI QUAN	55

12.1	Phân loại thuế quan	55
12.2	Định giá hải quan.....	56
13.	CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI.....	56
14.	THỆ THỐNG NGOẠI QUAN	58
14.1	Vùng ngoại quan	58
14.2	Vận chuyển ngoại quan	61
14.3	Chế biến ngoại quan	64
15.	CÁC KHU VỰC KINH TẾ TỰ DO VÀ THƯƠNG MẠI TỰ DO	65
15.1	Các Khu vực Kinh tế tự do	65
15.2	Các Khu vực Thương mại tự do	
16.	KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN	68
17.	VI PHẠM VÀ KHÁNG CÁO THUẾ QUAN	70
17.1	Buôn lậu	70
17.2	Giả mạo và thay đổi tài liệu điện tử	
17.3	Trốn thuế hải quan.....	71
17.4	Vi phạm cố ý	72
17.5	Kháng cáo	72
18.	BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI BIÊN GIỚI HẢI QUAN	72
19.	DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ỦY QUYỀN (AEO).....	74
19.1	Tiêu chí ủy quyền và xếp hạng	74
19.2	Sự cần thiết và lợi ích.....	75
19.3	Quản lý sau ủy quyền.....	77
19.4	Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của các doanh nghiệp được ủy quyền (AEO)	77
20.	HỢP TÁC HẢI QUAN QUỐC TẾ	77

21. THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI	80
21.1 Thống kê thương mại thông thường	80

21.2	Thống kê thương mại đặc biệt	80
21.3	Tiêu chuẩn về sự bổ sung và các phương pháp.....	81
22.	LỊCH TRÌNH VÀ THỜI GIAN LÀM VIỆC	82
23.	TRANG WEB CHÍNH THỨC	83

DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BẢNG

Hình 1 Sơ đồ tổ chức của Tổng Cục Thuế quan Hàn Quốc.....	3
Hình 2 Sơ đồ quy trình thủ tục nhập khẩu 12	
Hình 3 Sơ đồ quy trình xuất khẩu	20
Hình 4 Mẫu tờ khai nhập khẩu	21
Hình 5 Mẫu tờ khai xuất khẩu	22
Bảng 1 Các loại khai báo nhập khẩu	15
Bảng 2 Các hạn chế về xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu theo Công ước CITES ở Hàn Quốc	38
Bảng 3 Tóm tắt về biểu thuế Hàn Quốc	39
Bảng 4 Hiện trạng của các hiệp định thương mại tự do	57
Bảng 5 Phân loại các khu vực ngoại quan	60
Bảng 6 Tuyên bố và phê duyệt vận chuyển ngoại quan.....	62
Bảng 7 Các Công ước quốc tế liên quan đến Cơ quan Hải quan	78

Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á Đại Hàn Dân Quốc

1. GIỚI THIỆU VỀ HẢI QUAN HÀN QUỐC

Tổng Cục Thuế quan Hàn Quốc (KCS) là một cơ quan chính phủ thuộc Bộ Kinh tế và Tài chính, Hàn Quốc. KCS được khánh thành năm 1970 và đứng thứ nhất theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới về môi trường thủ tục thông quan trong 3 năm liên tiếp kể từ năm 2011. Những năm gần đây, KCS đã điều chỉnh cấp Cục trưởng trong trụ sở và các cơ quan, tổ chức lại hệ thống tổ chức của cơ quan Hải quan trên toàn quốc.

1.1 Chức năng

Với mục tiêu hiện thực hóa nền quản lý Hải quan hàng đầu trên thế giới, các chức năng chính của KCS là:

- Kiểm soát thông quan hàng hóa và hành khách;
- Đảm bảo nguồn thu của chính phủ thông qua thu thuế quan và thuế nội địa;
- Đàn áp buôn lậu;
- Xử lý tình trạng vận chuyển trái phép thực phẩm nguy hại, hóa chất độc hại, động, thực vật hoang dã để bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường quốc gia;
- Kiểm soát việc đánh dấu xuất xứ sai và vi phạm Quyền sở hữu trí tuệ.

1.2 Nhiệm vụ

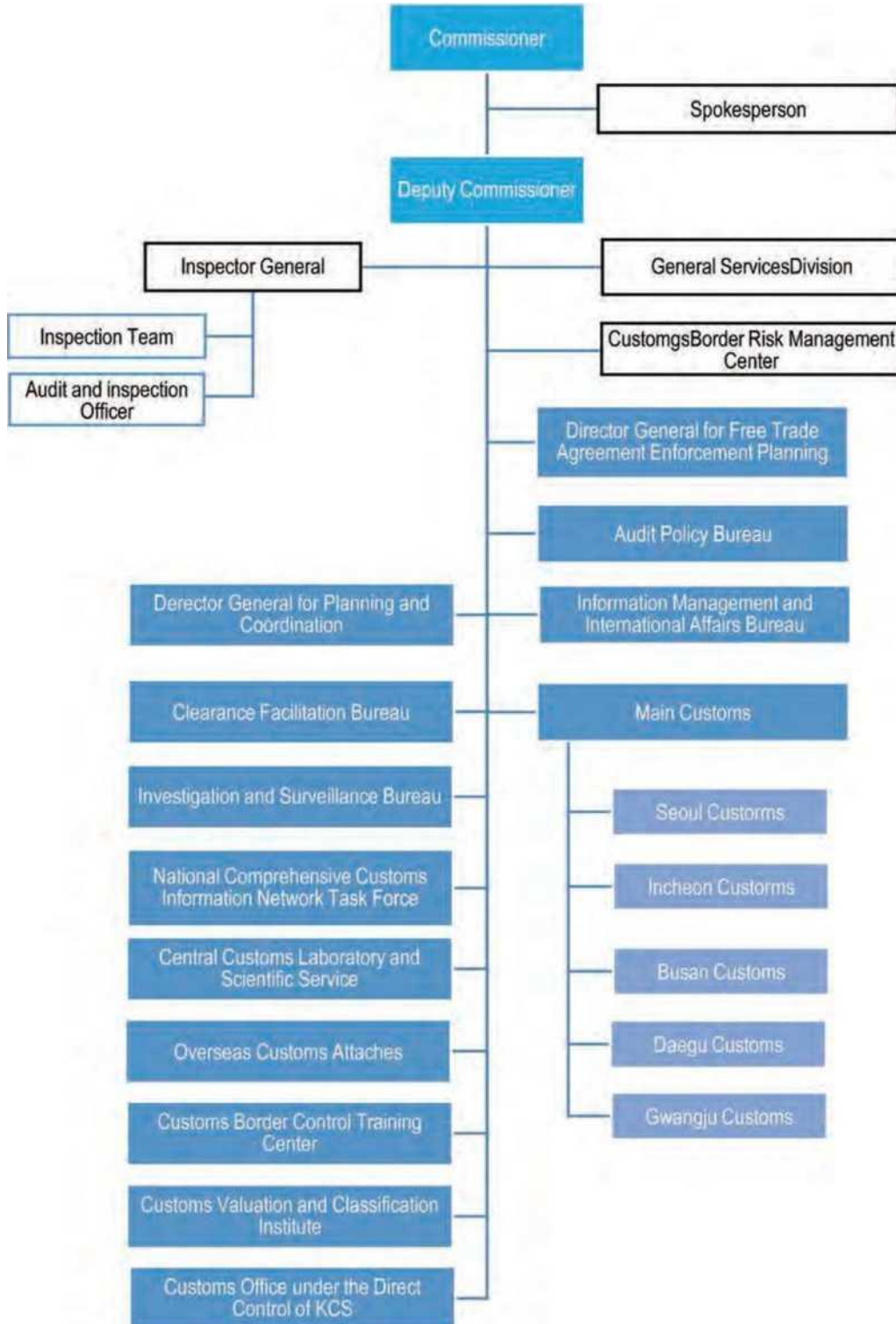
Sứ mệnh của KCS được mô tả là “Quản lý biên giới hải quan để có nền kinh tế vững mạnh và xã hội an toàn”.

1.3 Cơ cấu tổ chức

Trụ sở chính của KCS có 7 Cục, 24 bộ phận, 1 phát ngôn viên, 321 cán bộ và các nhánh của KCS gồm 6 Cục Hải quan chính, 3 Cơ quan quản lý trực tiếp, 1 Cục kiểm soát trực tiếp và 47 Sở Hải quan với 4.204 cán bộ.

KCS luôn quan tâm đến những thay đổi trong tương lai, đảm nhận vai trò tích cực để chuẩn bị cho kỷ nguyên Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và đang thực hiện một loạt các dự án thử nghiệm, phát triển nghiên cứu nhằm mục đích kết hợp các công nghệ mới của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư như tập dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và công nghệ chuỗi khối vào các khu vực Hải quan.

Hình 1 Sơ đồ tổ chức của KCS



Nguồn: Trang web của KCS.

Cục Thuế & Hải quan của Bộ Tài chính và Kinh tế cũng tham gia vào các vấn đề hải quan của Hàn Quốc. Cục bao gồm các chính sách trong các loại nguồn thuế quốc gia bao gồm thuế cá nhân, thuế liên quan đến doanh nghiệp, thuế liên quan đến người tiêu dùng, thuế liên quan đến tài sản và thuế hải quan đối với hàng nhập khẩu. Văn phòng cũng chịu trách nhiệm lập ngân sách doanh thu và lập kế hoạch hàng tháng để xác định, thu thuế và điều phối thuế quan đối với các FTA và hợp tác thuế quan đa phương.

Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOTIE) cũng là một cơ quan chính phủ phụ trách thương mại ở Hàn Quốc, chịu trách nhiệm chính về ngành công nghiệp và năng lượng, chính sách thương mại và đầu tư của Hàn Quốc và các cuộc đàm phán kinh tế thương mại.

2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HẢI QUAN

2.1 Luật Hải quan

Hàn Quốc đã xây dựng một hệ thống pháp luật Hải quan rất toàn diện. Luật Hải quan hiện tại của Hàn Quốc lần đầu tiên được ban hành vào năm 1996 và đã được sửa đổi nhiều lần. Bản sửa đổi mới nhất của luật này đã có hiệu lực từ tháng 7 năm 2017. Nó được chia thành 13 Chương và 330 Điều.

Mục đích của Luật này là điều hành một cách hợp lý việc áp và thu thuế Hải quan, thông quan hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu, đảm bảo nguồn thu từ thuế Hải quan nhằm góp phần phát triển nền kinh tế quốc gia. Luật này không chỉ cung cấp các chi tiết quy định về việc áp đặt và truy thu Hải quan, mà còn cả các vấn đề liên quan đến chi tiết hành chính tổng thể về Hải quan, chẳng hạn như quyền và thủ tục của người nộp thuế để nộp đơn phản đối, khu vực ngoại quan, thủ tục thông quan và trừng phạt tội phạm Hải quan, v.v...

Cấu trúc của Luật Hải quan Hàn Quốc như sau:

- Chương 1 Các điều khoản chung
- Chương 2 Trị giá tính thuế và áp dụng, truy thu các loại thuế hải quan
- Chương 3 Thuế suất và phân loại thuế quan
- Chương 4 Giảm hoặc miễn thuế, hoàn phí, trả góp

- Chương 5 Quyền của người nộp thuế và thủ tục nộp đơn phản đối
- Chương 6 Phương tiện vận tải
- Chương 7 Vùng ngoại quan
- Chương 8 Vận tải
- Chương 9 Thông quan
- Chương 10 Yêu cầu về trình bày dữ liệu của cán bộ Hải quan
- Chương 11 Điều khoản về hình phạt
- Chương 12 Điều tra và Xử lý
- Chương 13 Các điều khoản bổ sung

2.2 Luật liên quan

Luật Ngoại thương là luật cơ bản để chính phủ Hàn Quốc quản lý và phục hồi hoạt động ngoại thương và ngoại hối. Luật này và Luật Hải quan, bao gồm một số “luật phục hồi” cho các ngành nghề cụ thể và các quy định hành chính riêng lẻ liên quan đến thương mại tạo thành khuôn khổ cơ bản của hệ thống pháp luật ngoại thương Hàn Quốc.

Nội dung liên quan có thể được tìm thấy trên trang web điều tra pháp lý đặc biệt của Các vấn đề Pháp lý Hàn Quốc và Vụ Pháp chế Hàn Quốc.

Các luật và quy định liên quan cũng do KCS quản lý bao gồm:

- Luật Ngoại thương;
- Luật Kiểm dịch;
- Luật Nhãn hiệu;
- Luật Bảo hiểm Thương mại;
- Luật Phát triển Cơ sở hạ tầng Thương mại;
- Luật Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Thương mại Hàn Quốc;

- Luật về việc chỉ định và quản lý các khu vực tự do thương mại;
- Luật Phục hồi thương mại trực tiếp về nông sản, bao gồm cả khuyến khích sử dụng các sản phẩm nông nghiệp địa phương;
- Luật về các trường hợp đặc biệt của Luật Hải quan để thực hiện các Hiệp định thương mại tự do;
- Luật về việc điều tra các hành vi thương mại quốc tế không lành mạnh và biện pháp khắc phục thương tổn đối với ngành công nghiệp;
- Quy chế Độc quyền và Luật Thương mại công bằng;
- Luật đặc biệt về hỗ trợ nông dân, ngư dân sau khi ký kết các Hiệp định thương mại tự do;
- Luật đặc biệt về thực hiện Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới;
- Luật Phòng chống cạnh tranh không lành mạnh và bảo vệ bí mật thương mại.

3. THỦ TỤC THÔNG QUAN

3.1 Thủ tục nhập khẩu thông thường

Nhập khẩu là vận chuyển hàng hóa nước ngoài vào Hàn Quốc hoặc tiêu thụ và sử dụng chúng, bao gồm cả việc tiêu thụ và sử dụng hàng hóa nước ngoài như là phương tiện vận tải nhưng không bao gồm việc tiêu thụ và sử dụng hàng hóa nước ngoài theo Luật Hải quan.

Thông quan nhập khẩu là một chuỗi quy trình trong đó một người có ý định nhập khẩu hàng hóa nước ngoài nộp tờ khai hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc, sau đó người này sẽ kiểm tra để xác định liệu tờ khai nhập khẩu đã được nộp hợp pháp và chính đáng theo Luật Hải quan hay chưa và các luật, pháp lệnh khác ban hành sau khi chấp nhận tờ khai, người khai nhập khẩu cấp Giấy chứng nhận hoàn thành tờ khai nhập khẩu để cho phép xuất hàng nhập khẩu.

3.1.1 Vận chuyển vào khu vực lưu trữ

Sau khi từ nước ngoài đến, hàng hóa được lưu giữ trong khu vực ngoại quan.

3.1.2 Đáp ứng yêu cầu

Chủ hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu thông quan phải chuẩn bị đề xuất thuế suất, đề nghị miễn thuế hải quan trước khi khai báo nhập khẩu.

Cơ quan chịu trách nhiệm xác định các yêu cầu thông quan và đưa ra khuyến nghị thuế suất và khuyến nghị miễn thuế hải quan sẽ gửi các chứng từ điện tử đến cơ quan Hải quan thông qua mạng kết nối.

3.1.3 Khai báo nhập khẩu

Một tờ khai sẽ được nộp dưới tên của chủ hàng hóa hoặc một nhà môi giới Hải quan được cấp phép. Người khai nhập khẩu hoàn thành tờ khai nhập khẩu và gửi đến Hệ thống thông quan theo phương thức điện tử. Hệ thống thông quan tự động lựa chọn hàng hóa phải kiểm tra, hàng hóa phải nộp các chứng từ theo quy định và thông báo cho người khai hải quan.

Bất cứ ai có ý định nhập khẩu, xuất khẩu hoặc trả lại hàng hóa phải khai báo tên, tiêu chuẩn, số lượng và giá cả của hàng hóa liên quan và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật. Đối với bất kỳ hàng hóa nào sau đây, có thể bỏ qua hoặc được yêu cầu khai báo một tờ khai theo cách đơn giản hóa:

- Đồ dùng cá nhân, hàng gửi hoặc hàng hóa không có người đi kèm;
- Bưu phẩm;
- Hàng hóa được miễn thuế hải quan theo quy định pháp luật của Luật Hải quan;
- Công-te-nơ dùng cho vận tải quốc tế (chỉ giới hạn ở những công-te-nơ có mức thuế cơ bản bằng 0 theo Biểu thuế phí đính kèm).

Cần lưu ý rằng mỗi người vận chuyển hàng hóa dự định nhập khẩu hoặc đưa trở lại nơi lưu giữ được chỉ định hoặc kho ngoại quan, hoặc lưu trữ hàng hóa đó ở một nơi không phải là khu vực ngoại quan, phải khai báo trong vòng 30 ngày kể từ ngày mà người đó vận chuyển hàng hóa hoặc cất giữ chúng ở nơi đó.

Khi bất kỳ tờ khai nào được nộp mà phù hợp với Luật Hải quan, cơ quan Hải quan sẽ chấp nhận ngay tờ khai đó và cấp giấy chứng nhận hoàn thành tờ khai cho người khai hải quan. Nếu bất kỳ tờ khai nào được nhận bằng hệ thống xử lý dữ liệu điện tử như UNI-PASS, người khai có liên quan có thể nhận trực tiếp chứng chỉ hoàn thành tờ khai.

Hàng hóa đã được khai báo sẽ không được vận chuyển ra khỏi bất kỳ phương tiện vận tải nào, bất kỳ tuyến đường Hải quan nào, bất kỳ lối xếp dỡ hàng hóa nào hoặc nơi lưu giữ.

3.1.4 Xử lý khai báo

Tờ khai nhập khẩu được kiểm tra bằng các phương pháp như kiểm tra sàng lọc, kiểm tra chứng từ, kiểm tra hàng hóa, v.v ... Nếu tờ khai nhập khẩu đã được nộp hợp pháp thì sẽ được chấp nhận ngay.

Việc kiểm tra hàng hóa nhập khẩu có nghĩa là xác minh thông qua việc kiểm tra thực tế hàng hóa đã nộp tờ khai nhập khẩu có khớp đúng với nội dung đã khai báo nhập khẩu hay không, có vi phạm quy định của pháp luật liên quan hay không, v.v ... Có thể áp dụng các tỷ lệ kiểm tra khác biệt bằng cách cho phép mức độ tuân thủ pháp luật, bất kỳ biên bản phát hiện vi phạm thực tế nào khi kiểm tra, quốc gia xuất xứ của hàng hóa, v.v... liên quan đến từng nhà nhập khẩu. Phương thức kiểm tra được sử dụng có thể là kiểm tra lấy mẫu, kiểm tra toàn bộ hoặc kiểm tra để phân tích theo hàng hóa phải kiểm tra.

Cơ quan Hải quan có liên quan có thể yêu cầu người khai hải quan có mặt trong quá trình kiểm tra hàng hóa và yêu cầu người quản lý địa điểm kiểm tra hoặc chủ hàng hóa nhập khẩu chuẩn bị cho việc kiểm tra, chẳng hạn như đảm bảo địa điểm và trang thiết bị cần thiết để kiểm tra, bố trí công nhân mở bao bì, đóng gói hàng hóa. Trường hợp không thể thực hiện kiểm tra do chưa chuẩn bị đầy đủ cho việc kiểm tra thì điều chỉnh mức độ ưu tiên kiểm tra để thực hiện kiểm tra khi đã chuẩn bị đầy đủ cho việc kiểm tra. Các chi phí bắt buộc để kiểm tra hàng hoá nhập khẩu do chủ hàng hoá nhập khẩu thanh toán.

Tuy nhiên, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người khai hải quan bổ sung tờ khai nhập khẩu hoặc tạm dừng thông quan trong các trường hợp sau:

Yêu cầu bổ sung mẫu khai báo

- Những vấn đề đã nhập hoặc phải nhập trong tờ khai chưa đầy đủ, thiếu sót;

- Trường hợp thiếu tài liệu kèm theo hoặc cần bổ sung số liệu minh chứng theo kết quả kiểm tra mẫu tờ khai;
- Trường hợp người khai hải quan có ý định thay đổi phương thức khai báo nhập khẩu từ khai báo không giấy tờ sang khai báo nộp hồ sơ.

Khấu trừ thủ tục hải quan

- Trường hợp còn những điều chưa hoàn thiện, thiếu sót cần bổ sung, như những vấn đề đã viết hoặc phải ghi trong tờ khai hoặc các tài liệu cần nộp hoặc phải nộp;
- Khi các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là vi phạm hoặc đe dọa tổn hại sức khỏe cộng đồng;
- Khi có bất kỳ cáo buộc nào đã được đệ trình hoặc bất kỳ cuộc điều tra nào đang được tiến hành do nghi ngờ gian lận Hải quan;
- Trường hợp có bất kỳ hàng hóa nào có nhãn sai hoặc gây hiểu nhầm về chất lượng của chúng, v.v ...;
- Trường hợp mất nhiều thời gian để thực hiện các yêu cầu chấp nhận tờ khai nhập khẩu theo kết quả kiểm tra thông quan.

Cơ quan Hải quan có thể từ chối tờ khai đã nộp hoặc người khai hải quan có thể hủy tờ khai đã nộp sau khi được chấp thuận trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:

Từ chối

- Trường hợp khai báo sai sự thật hoặc bất kỳ cách thức bất hợp pháp nào khác;
- Trường hợp đã xác định được việc từ bỏ, loại bỏ, bán công khai, bán đấu giá thành công hoặc thu giữ có thời hạn hàng hóa, hoặc việc hoàn trả chúng vào Kho bạc Quốc gia;
- Trường hợp chưa thực hiện các yêu cầu về khai báo nhập khẩu trước khi xuất cảnh, nhập cảnh;
- Trường hợp hàng hóa khai báo trước khi khởi hành hoặc khi đến nơi nhưng chưa đến nơi;
- Trường hợp chưa thực hiện các yêu cầu chính thức khác về tờ khai nhập khẩu.

Hủy bỏ

- Trường hợp đã có quyết định trả lại hàng hóa khác với nội dung của hợp đồng nhập khẩu, hàng hóa bị xuống cấp, hư hỏng ... cho nhà cung cấp nước ngoài, v.v ...;
- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã bị tiêu hủy, mất hoặc có khả năng bị loại bỏ sau khi được cơ quan Hải quan có liên quan chấp thuận do thảm họa hoặc vì bất kỳ nguyên nhân bất khả kháng nào khác;
- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có khả năng bị trả lại hoặc bị loại bỏ vì các lý do như bị hoãn thông quan, không đáp ứng yêu cầu thông quan, hàng cấm nhập khẩu, v.v ...;
- Trường hợp được công nhận là có lý do chính đáng hoặc các lý do tương đương với bất kỳ trường hợp nào nêu trên.

Các trường hợp không thể là lý do chính đáng để hủy bỏ tuyên bố

- Tình hình tài chính của công ty do suy thoái kinh tế, v.v ...;
- Bỏ sót đơn xin miễn thuế hải quan, đề xuất hạn ngạch thuế quan, hoặc đề xuất thuế suất sử dụng cụ thể;
- Hủy tờ khai để được áp dụng thuế suất thấp hơn;
- Không đảm bảo được thị trường ở Hàn Quốc, v.v. do hủy hợp đồng mua bán tại Hàn Quốc, v.v.

Sau khi chấp nhận tờ khai nhập khẩu, cơ quan Hải quan liên quan cấp Giấy xác nhận hoàn thành tờ khai nhập khẩu điện tử có đóng dấu cơ quan đặc biệt của cơ quan Hải quan cho người khai hải quan (Đại lý hải quan, v.v.). Để ngăn ngừa bất kỳ sự giả mạo hoặc thay đổi nào, mỗi giấy chứng nhận tờ khai nhập khẩu được trang bị nhiều thiết bị khác nhau như con dấu cơ quan đặc biệt của cơ quan Hải quan, hình mờ (logo KCS), số sê-ri phát hành, mã vạch hai chiều, và dấu sao chép.

Trong trường hợp kiểm tra, việc kiểm tra để thông quan được thực hiện thông qua các tài liệu sau khi kiểm tra thực tế hàng hóa. Trong trường hợp nộp hồ sơ theo quy định, việc thẩm tra thông qua hồ sơ được thực hiện. Trong trường hợp khai báo không cần giấy tờ, việc kiểm tra thông quan được thực hiện qua màn hình máy tính. Trong trường hợp hàng hóa được tìm thấy không có bất kỳ vấn đề gì do kết quả kiểm tra, thì việc phê duyệt hàng hóa đó được đăng ký.



3.1.5 Bảo mật hoặc Thanh toán trước

Việc thu thuế hải quan đối với hàng hoá chịu thuế sẽ được ưu tiên hơn việc thu các loại thuế, phí công và các khoản thu khác. Nếu thuế hải quan được thu theo cách thức thu thuế quốc gia và đối tượng áp dụng để thu hồi nợ là tài sản không phải là hàng hóa chịu thuế thì sẽ áp dụng thứ tự ưu tiên tương tự như thuế quốc gia đối với thuế hải quan đó.

Chủ hàng hóa nhập khẩu có thể cung cấp dịch vụ bảo đảm tiền thuế cho cơ quan Hải quan (hoặc nộp tiền thuế trước cho cơ quan Hải quan) để nhận hàng từ khu ngoại quan. Tổ chức tài chính thông báo cho cơ quan Hải quan biết đã nhận được tiền thuế qua mạng máy tính được kết nối (đối với trường hợp nộp thuế trước).

Trường hợp các luật khác về thuế xung đột với Luật Hải quan liên quan đến việc áp thuế, truy thu, hoàn thuế, v.v. đối với thuế nội địa và bao gồm các khoản phụ thu, thuế bổ sung và chi phí xử lý theo mặc định, do Hải quan áp đặt và thu văn phòng, Luật Hải quan sẽ được áp dụng.

3.1.6 Chấp nhận tờ khai

Nếu đã nhận được tiền thuế hải quan hoặc đã có bảo mật thì hệ thống thông quan tự động chấp nhận tờ khai nhập khẩu.

Hệ thống thông quan thông báo cho người khai nhập khẩu và hệ thống hàng hóa (nơi lưu giữ) về việc chấp nhận tờ khai nhập khẩu.

3.1.7 Giao hàng

Đối với yêu cầu giao hàng của chủ hàng nhập khẩu, nơi lưu giữ hàng hóa kiểm tra để xác định xem tờ khai nhập khẩu đã được chấp nhận hay chưa, ... sau đó giao hàng cho chủ hàng.

3.1.8 Thanh toán thuế sau thông quan

Sau khi giao hàng xong, chủ hàng nhập khẩu phải nộp thuế hải quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấp nhận tờ khai nhập khẩu. Tổ chức tài chính thông báo cho Hải quan biết đã nhận được tiền thuế qua mạng máy tính được kết nối (đối với trường hợp nộp thuế sau thông quan).

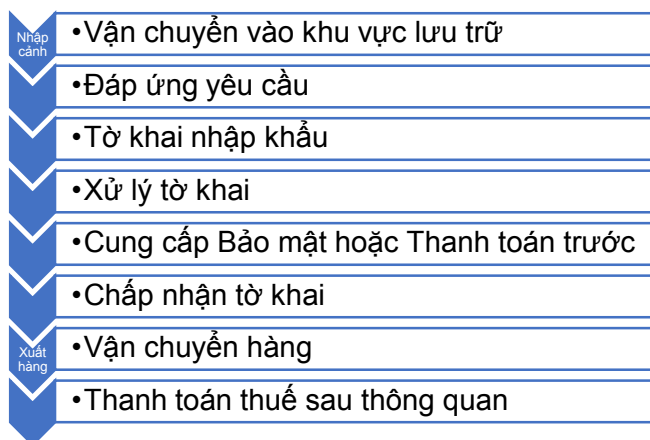
Trong khi tính toán việc nộp thuế, nếu đơn chấp thuận vận chuyển hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc được cấp trước khi chấp nhận một tờ khai nhập khẩu đã nộp thì ngày phê duyệt được coi là ngày mà tờ khai nhập khẩu đó

được chấp nhận. Nếu thời hạn quy định trong Luật Hải quan rơi vào ngày lễ hoặc một ngày do Nghị định của Tổng thống quy định, thì ngày hôm sau sẽ là thời hạn đó.

Người chịu trách nhiệm nộp thuế có thể nộp thuế Hải quan liên quan ngay cả trước khi tờ khai nhập khẩu của mình được chấp nhận. Trường hợp người nộp thuế trung thực, đáp ứng các yêu cầu được xác định dựa trên hồ sơ nộp thuế, v.v., cơ quan Hải quan có thể cho phép người đó thực hiện nộp thuế theo khối mà thời hạn thanh toán là ngày cuối cùng của tháng mà thời hạn nói trên rơi vào. Trong những trường hợp như vậy, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người đó cung cấp bảo mật tương đương với số tiền thuế Hải quan, nếu xét thấy cần thiết.

Trường hợp được cho là không thể khai báo, nộp đơn hoặc yêu cầu; nộp các tài liệu khác; đưa ra thông báo; hoặc thực hiện thanh toán hoặc thu hộ theo Luật Hải quan trong thời hạn quy định do thiên tai và các lý do khác, cơ quan Hải quan có thể gia hạn thời hạn đó trong một khoảng thời gian nhất định lên đến một năm. Trong những trường hợp như vậy, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người đó cung cấp bảo mật tương đương với số tiền thuế Hải quan, nếu xét thấy cần thiết.

Hình 2. Sơ đồ quy trình thủ tục nhập khẩu



3.2 Thủ tục đơn giản hóa đối với nhập khẩu

3.2.1 Khai báo trước khi Khởi hành hoặc Đến

Khi hàng hóa mà một người dự định nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan nhanh chóng, thì tờ khai nhập khẩu hàng hóa đó có thể được nộp trước khi tàu thuyền hoặc máy bay chở hàng hóa có liên quan vào cảng hoặc sân bay. Trong những trường hợp đó, bất kỳ hàng hóa nào được nộp tờ khai nhập khẩu trước khi đến cảng sẽ được coi là

đã đến Hàn Quốc.

Khi thủ trường cơ quan Hải quan quyết định kiểm tra hàng hóa trên tờ khai nhập khẩu trước khi nhập cảng thì thông báo cho người đã khai tờ khai nhập khẩu đó. Hàng hóa thuộc diện kiểm tra được đưa vào khu vực ngoại quan (bao gồm bất kỳ địa điểm nào, không phải khu ngoại quan, là nơi lưu giữ hàng hóa đó) thuộc thẩm quyền của cơ quan Hải quan nơi đã nộp tờ khai nhập khẩu. Với điều kiện là nếu xét thấy có thể tiến hành kiểm tra hàng hóa trên tàu thuyền hoặc máy bay, thì việc kiểm tra đó có thể được thực hiện trên tàu biển hoặc máy bay đã chất đầy hàng hóa liên quan.

3.2.2 Các thủ tục đơn giản hóa khác

Nhập khẩu chỉ được thông quan bằng cách nộp tờ khai nhập khẩu mà không cần nộp bất kỳ chứng từ nào kèm theo trong trường hợp hàng hóa thuộc một trong các nhóm sau:

- Hàng hóa miễn thuế được coi là hàng hóa dùng cho mục đích cá nhân như hàng hóa cư trú trong nước nhận với tổng giá trị tính thuế không quá 150.000 won;
- Hàng mẫu thương mại miễn thuế là hàng hóa có tổng giá trị tính thuế không quá 250 đô la Mỹ;
- Hàng hóa trong số các bản vẽ thiết kế được miễn nhập khẩu;
- Phương tiện thanh toán mà tổ chức tài chính nhập khẩu để kinh doanh ngoại hối;

Bất kỳ hàng hóa nào được miễn thuế Hải quan hoặc chịu mức thuế bằng 0 trong số các hàng hóa thuộc bất kỳ danh mục nào sau đây chỉ yêu cầu xuất trình Vận đơn (B / L) để được giao ngay từ nơi lưu giữ:

- Hàng miễn thuế được xách tay qua túi ngoại giao;

- Hàng hóa miễn thuế của nguyên thủ quốc gia nước ngoài đến thăm Hàn Quốc, gia đình và đoàn tùy tùng;
- Hài cốt (tro cốt) hoặc thi hài để phục vụ tang lễ;
- Hàng hóa dùng để đưa tin của các cơ quan dư luận xã hội đã đăng ký với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như báo chí, phim, băng đĩa có nội dung tin bài;
- Số liệu, tư liệu do các cơ quan đại diện ngoại giao gửi ra nước ngoài, v.v ...;
- Hàng hóa kinh doanh chính ngạch do lực lượng quân đội đóng quân ở nước ngoài trở về. Điều này chỉ áp dụng trong trường hợp họ đến Hàn Quốc sau khi được đưa lên tàu chiến hoặc máy bay quân sự.

Bảng 1 Các loại khai báo nhập khẩu

Phân loại	Khai báo trước khi khởi hành từ cảng	Khai báo trước khi đến cảng	Khai báo trước khi đến khu vực ngoại quan	Khai báo sau khi cất giữ trong khu ngoại quan
Thời điểm khai báo	Trước khi tàu (máy bay) chờ hàng khởi hành từ cảng gửi hàng năm ngày trước khi đến (một ngày trước khi đến đối với máy bay) tại Hàn Quốc	Trước khi đến cảng (khai báo dỡ hàng hoặc khai hàng) sau khi tàu (máy bay) khởi hành từ cảng vận đơn năm ngày trước khi đến (một ngày trước khi đến đối với tàu bay) tại Hàn Quốc	Trước khi đến khu vực ngoại quan, nơi hàng hóa sẽ được vận chuyển	Sau khi lưu giữ hàng hóa trong khu ngoại quan
Hàng hóa phải khai báo nhập khẩu	Hàng hóa nhập khẩu trên máy bay Hàng nhập từ Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan hoặc Hồng Kông	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn
Cơ quan hải quan khai báo hàng nhập khẩu	Cơ quan hải quan phụ trách địa điểm dự kiến đến	Cơ quan hải quan phụ trách địa điểm dự kiến đến	Cơ quan hải quan có thẩm quyền đối với khu vực ngoại quan theo lịch trình đến	Cơ quan hải quan có thẩm quyền đối với khu vực ngoại quan đối với hàng hóa lưu kho
Thời điểm thông báo có hàng hóa phải kiểm tra hay không	Tại thời điểm nộp dữ liệu (từ khai rời bến và bảng kê hàng hóa) chứng minh tàu (máy bay) đã rời cảng vận tải	Ngày khai báo nhập khẩu	Ngày khai báo nhập khẩu	Ngày khai báo nhập khẩu



Thời điểm chấp nhận tờ khai nhập khẩu	Kiểm tra bị bỏ qua	Sau khi nộp bản kê khai hàng hóa	Sau khi nộp bản kê khai hàng hóa	Sau khi báo cáo hàng hóa đến khu vực ngoại quan	Sau khi khai báo nhập khẩu
	Hàng hóa phải kiểm tra	Sau khi kết thúc kiểm tra hàng hóa	Sau khi kết thúc kiểm tra hàng hóa	Sau khi kết thúc kiểm tra hàng hóa	Sau khi kết thúc kiểm tra hàng hóa

Nguồn: Trang web KCS.

3.3 Các thủ tục xuất khẩu thông thường

Xuất khẩu có nghĩa là vận chuyển hàng hóa trong nước từ Hàn Quốc ra nước ngoài. Trước hết, nhà xuất khẩu phải kiểm tra để xác định liệu hàng hóa dự định xuất khẩu có thể xuất khẩu được hay không theo Luật Ngoại thương, các luật và pháp lệnh liên quan, v.v. Cũng cần kiểm tra để xác định liệu phương thức nhận thanh toán có bị hạn chế hay không. không theo Đạo luật Ngoại thương, các luật và pháp lệnh liên quan, v.v.

Tất cả các hàng hóa dự định xuất khẩu phải làm thủ tục thông quan xuất khẩu của Hải quan. Thủ tục thông quan xuất khẩu thông thường đơn giản hơn so với thủ tục nhập khẩu. Thủ tục thông quan xuất khẩu đề cập đến các thủ tục từ việc khai báo hàng hóa dự định xuất khẩu với Hải quan, nhận tờ khai xuất khẩu được Hải quan chấp nhận để xếp hàng lên phương tiện vận tải đi và đến giữa Hàn Quốc và nước nhập khẩu.

3.3.1 Tờ khai xuất khẩu

Người dự định xuất khẩu hàng hóa phải khai tờ khai xuất khẩu và được thủ trưởng cơ quan Hải quan có thẩm quyền quản lý khu vực lưu giữ hàng hóa xuất khẩu chấp nhận.

Để nộp tờ khai xuất khẩu, chủ hàng xuất khẩu hoặc một chuyên gia đủ tiêu chuẩn được nhà nước chứng nhận (công ty môi giới hải quan được cấp phép, công ty môi giới hải quan hoặc người có thẩm quyền giải quyết thủ tục thông quan) chỉ cần hoàn thành và gửi tờ khai xuất khẩu đến Hệ thống thông quan điện tử KCS bằng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) để thông quan hàng xuất khẩu hoặc thiết bị xử lý dữ liệu của Trung tâm hỗ trợ khai báo xuất khẩu.

Trường hợp người khai hải quan điện tử nhận được thông báo có sai sót về nội dung tờ khai xuất khẩu đã gửi hoặc có ý định sửa nội dung đã khai thì chỉ cần gửi lại dữ liệu tờ khai gồm các nội dung đã sửa theo số tờ khai ban đầu. Nếu có vấn đề cần chỉnh sửa sau khi đã được cấp số nộp thì phải điền vào đơn chấp thuận sửa tờ khai xuất khẩu, sau đó gửi bản điện tử và nộp dữ liệu chứng cứ cho cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan hoặc cơ quan Hải quan văn phòng có thẩm quyền đối với khu vực địa điểm của người nộp đơn. Tuy nhiên, nếu nội dung kê khai đó thuộc diện tự điều chỉnh hoặc nếu chỉ xác minh được chi tiết sửa chữa thông qua đơn xin phê duyệt sửa chữa tờ khai xuất khẩu thì có thể bỏ qua việc nộp dữ liệu chứng cứ.

Tờ khai xuất khẩu đã nộp có hiệu lực khi Hệ thống thông quan điện tử KCS cấp cho tờ khai đó.

Tùy từng trường hợp liên quan, các phương thức chấp nhận tờ khai xuất khẩu đã nộp được phân loại thành chấp nhận tự động, chấp nhận sau khi kiểm tra bởi công chức Hải quan và chấp nhận sau thanh tra. Nếu tờ khai xuất khẩu đã nộp được chấp nhận, cơ quan Hải quan sẽ cấp Giấy chứng nhận hoàn thành tờ khai xuất khẩu.

Ngoài ra, nếu nội dung của chứng từ điện tử lưu trong Hệ thống thông quan điện tử KCS khác với nội dung của Giấy chứng nhận hoàn thành tờ khai xuất khẩu đã cấp thì nội dung của chứng từ điện tử lưu trong Hệ thống thông quan điện tử KCS được coi là bản chính.

3.3.2 Chấp nhận tờ khai

Tờ khai xuất khẩu phải được lập bằng cách điền vào tờ khai do KCS quy định theo hướng dẫn hoàn thiện tờ khai xuất khẩu.

Có ba phương pháp xử lý tờ khai đối với hàng hóa đã nộp tờ khai xuất khẩu: chấp nhận tự động, chấp nhận sau khi kiểm tra và chấp nhận sau thanh tra.

A. Chấp nhận tự động

Điều này có nghĩa là một tờ khai xuất khẩu được tự động chấp nhận bởi quá trình xử lý dữ liệu. Tờ khai xuất khẩu đối với hàng hóa không phải kiểm tra hoặc nộp chứng từ cũng được Hệ thống thông quan điện tử KCS tự động chấp nhận.

Hàng hoá phải nộp tờ khai xuất khẩu cho cơ quan Hải quan khi làm tờ khai xuất khẩu (hàng hoá phải nộp chứng từ) như sau:

- hàng hoá cần xác nhận các yêu cầu thoả mãn trước khi chấp nhận tờ khai xuất khẩu đã nộp;
- tái xuất hàng hoá khác với nội dung hợp đồng hoặc xuất khẩu hàng hoá đã thông quan để nhập khẩu với điều kiện tái xuất;
- hàng hóa mà nhà xuất khẩu khai tờ khai xuất khẩu bằng cách nộp các chứng từ cần thiết hoặc yêu cầu kiểm tra Hải quan để được giảm hoặc miễn thuế Hải quan, v.v., hoàn thuế Hải quan đã nộp hoặc quản lý sau khi

tái nhập hàng hóa đó;

- Hàng hoá đã được Hệ thống thông quan xuất khẩu thông báo cho người khai hải quan là hàng hoá phải nộp chứng từ.

B. Chấp nhận sau kiểm tra

Phương pháp này áp dụng cho việc kiểm tra hàng hóa bị bỏ sót trong số hàng hóa mà tờ khai không được chấp nhận tự động. công chức hải quan tiếp nhận tờ khai đã nộp sau khi kiểm tra nội dung đã khai.

c. Chấp nhận sau thanh tra

Mặc dù về nguyên tắc, việc thanh tra hàng hoá xuất khẩu thường được bỏ qua, nhưng tờ khai xuất khẩu đã nộp được chấp nhận sau khi đã kiểm tra thực tế hàng hoá xuất khẩu do Thủ trưởng cơ quan Hải quan đánh giá là hàng hoá cần thanh tra thực tế hàng hoá và hàng hóa đã được phân loại là hàng hóa có rủi ro cao.

Hàng hoá được chấp nhận tờ khai xuất khẩu phải được xếp lên phương tiện vận tải đi và đến giữa Hàn Quốc và nước nhập khẩu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chấp nhận tờ khai xuất khẩu. Tuy nhiên, trong trường hợp có bất kỳ lý do bất khả kháng nào như thay đổi lịch trình xếp hàng ... thì thời hạn xếp hàng có thể được kéo dài sau khi được sự chấp thuận của lãnh đạo cơ quan Hải quan liên quan. Ngoài ra, cần thận trọng vì trừ khi hàng hóa liên quan được xếp lên phương tiện vận tải trong thời hạn xếp hàng, việc chấp nhận tờ khai xuất khẩu có thể bị thu hồi và việc hoàn thuế Hải quan cũng có thể không thực hiện được.

Mặt khác, có các quy trình riêng quy định đối với việc quản lý xếp dỡ các bưu phẩm, bưu gửi hàng hóa. Ngoài ra, hàng hóa nước ngoài được vận chuyển vào khu vực ngoại quan tại Hàn Quốc có thể bị trả lại cho nước xuất khẩu và trong trường hợp này, hàng hóa đó phải làm thủ tục khai báo trở lại.

Hình 3 Sơ đồ quy trình xuất khẩu



Nguồn: Trang web KCS.

3.4 Yêu cầu về tài liệu

Người lập tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu phải xuất trình các chứng từ bổ sung dữ liệu để xác định trị giá tính thuế. Sau khi xuất trình và xác nhận các tài liệu liên quan cho người môi giới Hải quan được cấp phép, v.v., việc nộp tài liệu có thể được bỏ qua hoặc những tài liệu đó có thể được xuất trình sau khi tờ khai nhập khẩu được chấp nhận. Trường hợp bỏ sót việc nộp hoặc xuất trình các chứng từ sau khi tờ khai nhập khẩu được chấp nhận, nếu cơ quan Hải quan yêu cầu người khai hải quan xuất trình các chứng từ và cung cấp các số liệu liên quan khác được xác định là phải nộp, xuất trình các chứng từ này và các tài liệu khác. dữ liệu liên quan, người khai phải thực hiện theo.

3.4.1 Mẫu khai báo hải quan

Mẫu khai báo nhập khẩu

Hình 4 Mẫu khai báo nhập khẩu

Tờ khai nhập khẩu

(Giấy chứng nhận nhập khẩu hải quan)

Tờ khai số:		Ngày trong tờ khai:		Nhà tùy chỉnh/Phần:		Ngày đến:	
Mã vận đơn:		Kiểm soát hàng hóa:		Ngày nhập kho:		Loại hình thu thuế:	
Người khai: Nhà nhập khẩu: Bên trả thuế: (Địa chỉ) (Tên công ty) (Tên) Đại lý thương mại: Nhà cung cấp:		Loại mục nhập:		Chứng nhận xuất xứ:		Tổng trọng lượng:	
		Loại nộp đơn:		Bảo giá:		Tổng đóng gói:	
		Loại giao dịch:		Cảng đến:		Phương tiện vận tải:	
		Mua hàng nhập khẩu:		Quốc gia bốc hàng:			
		Mã vận đơn biển:		Mã tàu/máy bay:			
Địa điểm kiểm tra (kho bãi)							
Mô tả và đặc điểm kỹ thuật của hàng hóa:							
Mô tả chung về hàng hóa: Mô tả hàng hóa như trong tài liệu giao dịch:						Nhân hiệu:	
Mô hình và Đặc điểm kỹ thuật:		Thành phần:		Số lượng:		Đơn giá:	Giá trị:
Mã HS:	9999.99-9999	Khối lượng tịnh:		Kiểm tra C/S:		Cơ quan kiểm tra bưu điện	
Giá trị (CIF)		Số lượng:		Quyết định kiểm tra:			
		Số lượng bị lỗi:		Nhân hiệu xuất xứ:		Số thuế được tính toán đặc biệt	
Kiểm tra yêu cầu nhập khẩu (Tên chứng nhận)							
Loại thuế	Loại thuế quan	Giảm tỷ lệ	Số tiền thuế	Cắt giảm, trả góp mã số thuế	Giảm thuế	Mã số thuế nội bộ	
Tổng thanh toán thương lượng cho hàng hóa (điều kiện giao hàng - tiền tệ - giá trị - hình thức thanh toán)						Tỷ giá hối đoái:	
Tổng giá trị hải quan		Vận chuyển hàng hóa		Thêm vào		Mã thanh toán	
		Bảo hiểm		Giảm bớt		Giá trị VAT	
Loại thuế	Số tiền thuế	Nhận xét của các nhà môi giới hải quan				Nhận xét của văn phòng thu thuế	
Hải quan							
Thuế tiêu thụ đặc biệt							
Thuế vận tải							
Thuế rượu							
Thuế giáo dục							
Thuế nông nghiệp đặc biệt							
Thuế VAT							
Thuế phạt do chậm nhập cảnh							
Tổng số tiền thuế phải trả		Nhân viên hải quan		Ngày nộp đơn		Ngày hải quan chấp nhận	

Asia

Mẫu tờ khai xuất khẩu

Hình 5 Mẫu tờ khai xuất khẩu

GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI BÁO XUẤT KHẨU

& Thời gian xử lý ngay lập tức

Số lượng đệ trình				© Số khai báo	© Ngày khai báo	© Các loại tờ khai	© Các loại C/S
© Tên người khai báo				L			
Mã							
© Tên nhà xuất khẩu							
Địa chỉ của người xuất khẩu / người gửi hàng				© Loại giao dịch © Loại © Hình thức thanh toán			
Tên người gửi hàng		Tên		© Nước đến	© Cảng vận đơn		
Mã thông quan 1		Số giấy phép kinh doanh		© Loại phương tiện giao thông	© Ngày kiểm tra ưu tiên		
© Tên của nhà sản xuất				Vị trí các mặt hàng			
Mã thông quan							
© Tên người mua		Mã		Số L/C			
© Người đăng ký thuế đặc biệt		Người xuất khẩu / người gửi hàng					
© Cơ quan thu hồi 1		Nơi sản xuất		Tình trạng hàng hóa			
Mục mô tả				Lý do trở lại			
				Mã HS			
				Mã sản phẩm			
				Giá trị khai báo			
				Trọng lượng thực tế			
				Số lượng			
				Số lượng / Loại bao bì			
Mục mô tả				Mã HS			
				Mã sản phẩm			
				Trả trị khai báo			
				Trọng lượng thực tế			
				Số lượng			
				Số lượng / Loại bao bì			
				Tổng số dòng		Cân nặng tổng	Tổng gói
() Dòng				\$			
Giấy tờ liên quan	Giấy phép xuất khẩu			Giá giao dịch			
	Đề xuất xuất khẩu			Vận chuyển hàng hóa		Bảo hiểm	
	Giấy chứng nhận kiểm tra			Hải quan chỉ ghi			
	Giấy chứng nhận kiểm dịch						
	Giấy phép xuất khẩu hàng hóa chiến lược						
	Số quản lý hàng hóa đầu vào						
B	Khai báo vận chuyển ngoại quan			Ngày xử lý tờ khai (/ /)			
T	Thời gian / / Từ / / Đến			Thời hạn của nghĩa vụ xếp hàng (/ /)			

Nguồn: Trang web KCS.

3.4.2 Tài liệu cơ bản

Chứng từ cơ bản chủ yếu là chứng từ thương mại được liệt kê dưới đây:

- Hóa đơn;
- Vận đơn;
- Danh sách đóng gói;
- Giấy chứng nhận xuất xứ.

3.4.3 Chứng minh xuất khẩu

Các tài liệu sau sẽ được nộp nếu có:

- mẫu khai báo giá trị;
- các tài liệu cần thiết để nhập khẩu như tài liệu kiểm tra, kiểm dịch, giấy phép và khuyến cáo do các tổ chức liên quan cấp;
- đơn xin miễn thuế Hải quan;
- đơn đăng ký áp dụng mức thuế đã thỏa thuận, xác nhận về an ninh cho việc nộp thuế địa phương, Giấy chứng nhận quy trình Kimberley và giấy chứng nhận khuyến nghị thuế quan;

Có một hệ thống xác nhận yêu cầu người đứng đầu mỗi cơ quan Hải quan phải xác định xem các nghĩa vụ theo quy định của 34 luật và pháp lệnh liên quan đến nhập khẩu có được thực hiện hay không để đạt được các mục tiêu chính sách quốc gia, chẳng hạn như bảo vệ môi trường, an sinh xã hội và quốc gia, bảo vệ sức khỏe, và do đó, điều này nhằm mục đích làm cho việc nộp các tài liệu do các cơ quan liên quan cấp theo yêu cầu nhập khẩu, chẳng hạn như tài liệu kiểm tra, kiểm dịch, khuyến nghị, cho phép và/hoặc xác nhận quy định cho hàng hóa phù hợp cho cơ quan Hải quan liên quan.

Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế

Xét đến sự gia tăng nhu cầu liên kết với các nước láng giềng hoặc với Hải quan nước ngoài trong việc đạt được Cơ chế một cửa toàn cầu, hệ thống UNI-PASS áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như mã wco DM3.0, UN, v.v. và các tiêu chuẩn công nghệ mở.

4.2 Dịch vụ hỗ trợ

Chẩn đoán về tình trạng hiện tại

Thực hiện một nghiên cứu khả thi như phân tích của cơ quan Hải quan trong các lĩnh vực phân tích môi trường và tình trạng hiện tại của các thủ tục kinh doanh, luật, tài liệu và hệ thống IT.

Thiết kế mô hình tương lai

Thực hiện Tái thiết kế quy trình nghiệp vụ & chiến lược thông tin Lập kế hoạch hiện đại hóa Hải quan bao gồm các bản thiết kế chi tiết về các thủ tục kinh doanh trong tương lai, khuyến nghị cải cách luật, tiêu chuẩn hóa tài liệu và một hệ thống IT phù hợp mới.

Phát triển

Thực hiện phân tích và thiết kế một hệ thống mới và phát triển một hệ thống IT phù hợp dựa trên kết quả BPR / ISP, bao gồm cài đặt phần cứng và phần mềm thương mại cần thiết, thử nghiệm và triển khai.

Chuyển giao kiến thức

Thực hiện chuyển giao kiến thức dưới dạng tài liệu (có thể chuyển giao) và nâng cao năng lực (đào tạo tại chỗ bằng cách cử chuyên gia và đào tạo thông qua lời mời đến Hàn Quốc) bao gồm cả việc chuyển mã nguồn chương trình cho cơ quan Hải quan.

Vận hành và bảo trì

Cung cấp dịch vụ bảo hành một năm sau phát triển (bảo trì) và các dịch vụ vận hành & bảo trì bổ sung của hệ thống quản lý Hải quan mới xây dựng được cung cấp theo yêu cầu của quốc gia quan tâm.

4.3 Thành tựu UNI-PASS

Tiết kiệm thời gian

Nhờ sự phát triển của hệ thống UNI-PASS, Hải quan Hàn Quốc hiện chỉ mất chưa đầy 1,5 phút để làm thủ tục xuất khẩu và chưa đến 1,5 giờ để làm thủ tục nhập khẩu.

Tiết kiệm chi phí

Sự phát triển của UNI-PASS đã tạo ra 3,5 tỷ USD hiệu quả kinh tế trong khu vực nhà nước và tư nhân trong khi duy trì số lượng nhân viên Hải quan như cũ trong 30 năm qua trong khi lượng thương mại tăng gấp 18 lần.

Chính trực trong Dịch vụ Hải quan

Xử lý công việc bằng 100% văn bản điện tử, thông tin thủ tục thông quan được công khai theo thời gian thực giúp nâng cao tính minh bạch trong quy trình làm việc cũng như niềm tin của công chúng vào chính quyền.

Vui lòng truy cập [vào đây](#) để biết thêm thông tin về UNI-PASS.

5. DỊCH VỤ MÔI GIỚI HẢI QUAN

Tại Hàn Quốc, nhân viên môi giới hải quan được cấp phép là người đã được cấp giấy phép nộp các tờ khai nhập khẩu sau khi được người khác ủy thác làm thủ tục hải quan theo Đạo luật về môi giới hải quan được cấp phép. Các công ty môi giới Hải quan được cấp phép được phân thành các loại sau theo các loại hình hành nghề:

- Tổng công ty dịch vụ hải quan;
- Tổng công ty làm thủ tục hải quan;
- Hội các nhà môi giới hải quan;
- Nhà môi giới hải quan cá nhân

5.1 Công ty môi giới hải quan được cấp phép

Mỗi nhà môi giới Hải quan được cấp phép sẽ thực hiện các dịch vụ sau do khách hàng ủy nhiệm:

- Phân loại mã HS và thuế suất, xác định trị giá tính thuế và cách tính thuế hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Tự nguyện xem xét và chuẩn bị báo cáo;
- Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, trả lại hàng hoá, vận chuyển và thực hiện các thủ tục liên quan đến hàng hoá đó;
- Đơn đề nghị chứng nhận hoặc xác nhận xác nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được phép, phê duyệt hoặc ghi nhãn hoặc đáp ứng các điều kiện khác;
- Đưa ra ý kiến phản đối và thay mặt khách hàng xin xem xét và xét xử;
- Tư vấn hoặc khuyến nghị về các vấn đề Hải quan;
- Tư vấn hoặc khuyến nghị về khai báo xuất khẩu, nhập khẩu;
- Thay mặt khách hàng yêu cầu hoàn lại tiền;
- Cung cấp ý kiến về việc điều tra, xử lý, v.v ... của Hải quan cho và thay mặt chủ hàng;
- Khai báo, báo cáo, ứng dụng, v.v. và thực hiện các thủ tục liên quan theo Luật Hải quan.

Lưu ý rằng:

- Không ai, ngoài một nhà môi giới Hải quan được cấp phép hoặc công ty dịch vụ Hải quan có thể thực hiện các dịch vụ do khách hàng ủy nhiệm;
- Không ai được giới thiệu hoặc hỗ trợ một nhà môi giới Hải quan được cấp phép và / hoặc bất kỳ tổ chức nào khác thực hiện các dịch vụ để nhận hoặc yêu cầu thanh toán cho khuyến nghị hoặc hỗ trợ đó;
- Không ai, ngoài một nhà môi giới Hải quan được cấp phép, được chia bất kỳ khoản thù lao hoặc lợi nhuận nào khác thu được từ các dịch vụ cung cấp mà chỉ có thể được thực hiện bởi nhà môi giới Hải quan được cấp phép.

5.2 Chứng nhận và Kiểm tra

Một người vượt qua kỳ kiểm tra đối với công ty môi giới Hải quan được cấp phép sẽ đủ điều kiện trở thành nhà môi giới Hải quan được cấp phép. Không ai trong số những người sau đây có thể phục vụ như một nhà môi giới Hải quan được cấp phép:

- Trẻ vị thành niên;
- Người dưới sự giám hộ của người lớn hoặc người được giám hộ hạn chế;
- Người bị tuyên bố phá sản chưa được phục hồi hoạt động;
- Một người trong trường hợp ba năm chưa trôi qua kể từ khi bị phạt tù lao động mà bị tòa án tuyên bố vì bất kỳ vi phạm nào đối với Luật Môi giới Hải quan hoặc Luật Hải quan đã được thi hành xong hoặc người đó được miễn bản án đó;
- Một người đang bị đình chỉ thi hành án tù lao động do tòa án tuyên bố vì bất kỳ hành vi vi phạm Luật Môi giới Hải quan hoặc Luật Hải quan;
- Một người đã bị phạt một khoản tiền phạt hoặc bị thông báo xử lý theo Luật Hải quan và đã hai năm trôi qua kể từ khi họ bị trừng phạt bởi khoản tiền phạt đó hoặc chấp hành việc xử phạt đó;
- Người chưa hết hai năm kể từ ngày bị kỷ luật bằng việc cách chức hay sa thải.

Việc kiểm tra đối với công ty môi giới Hải quan được cấp phép sẽ được phân thành kỳ kiểm tra giai đoạn một và kiểm tra giai đoạn hai. Người trúng tuyển đợt 1 được miễn thi đợt 1 đúng một lần duy nhất ở đợt tiếp theo. Mỗi người đã làm công tác quản lý Hải quan sẽ được miễn một số môn trong kỳ thi sát hạch cấp giấy phép hành nghề Hải quan.

Một Ủy ban về Kiểm tra trình độ và kỹ luật của nhà môi giới hải quan được cấp phép được thành lập dưới sự điều hành của Cục Hải quan Hàn Quốc để cân nhắc và giải quyết về trình độ, hành động kỹ luật và đăng ký.

5.3 Đăng ký và Bắt đầu

Sau khi được đào tạo tại chức ít nhất sáu tháng, bất kỳ người nào đủ tiêu chuẩn làm nhà môi giới Hải quan được cấp phép đều có thể đăng ký với KCS. Đăng ký có thể được gia hạn ít nhất ba năm.

- Một nhà môi giới Hải quan được cấp phép phải thành lập một văn phòng duy nhất để cung cấp dịch vụ của

mình. Khi nhân viên môi giới Hải quan được cấp phép tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ hoặc chuyển địa điểm hoặc đóng cửa văn phòng của mình, người đó phải báo cáo ngay với lãnh đạo cơ quan Hải quan có liên quan;

- Các công ty môi giới Hải quan được cấp phép có thể thành lập một văn phòng chung để cung cấp dịch vụ một cách có hệ thống cũng như nâng cao lòng tin của công chúng. Trong những trường hợp đó, một văn phòng chung sẽ được thành lập;
- Một nhà môi giới Hải quan được cấp phép có thể tuyển dụng bất kỳ nhà môi giới Hải quan được cấp phép nào khác hoặc có một trợ lý;
- Một nhà môi giới Hải quan được cấp phép sẽ chịu trách nhiệm hướng dẫn và giám sát các nhà môi giới Hải quan được cấp phép khác do anh ta/cô ta thuê, cũng như các trợ lý của anh ta/cô ta.

Một nhà môi giới Hải quan được cấp phép dự định bắt đầu cung cấp dịch vụ phải nộp báo cáo cho cơ quan Hải quan.

5.4 Nghĩa vụ

Một nhà môi giới Hải quan được cấp phép sẽ phải tuân thủ Luật Môi giới Hải quan và Luật Hải quan và sẽ cung cấp dịch vụ thông quan một cách thiện chí và công bằng.

Nếu bất kỳ nhà môi giới Hải quan được cấp phép nào chuẩn bị một tờ khai, đơn đăng ký, yêu cầu, báo cáo hoặc bất kỳ tài liệu nào khác (bao gồm bất kỳ tài liệu điện tử nào) liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của họ và nộp cho một tổ chức có liên quan, họ sẽ ghi tên của mình và đóng dấu vào đó hoặc ký tên (có thể là chữ ký điện tử, trong trường hợp văn bản điện tử).

- Nghiêm cấm bất kỳ nhà môi giới Hải quan được cấp phép nào không cho phép bất kỳ người nào khác cung cấp dịch vụ thông quan bằng tên của mình hoặc tên văn phòng của mình hoặc cho mượn chứng chỉ đăng ký hoặc trình độ chuyên môn của họ;
- Không một nhà môi giới Hải quan được cấp phép nào được tham gia cung cấp tiền, vật có giá trị, hoặc các trò giải trí, hoặc hứa hẹn cung cấp những thứ đó cho các quan chức công quyền;
- Người đã hoặc đang là nhà môi giới Hải quan được cấp phép, và trợ lý của họ không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật nào mà họ biết trong quá trình cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba.

Trường hợp nhân viên môi giới Hải quan được cấp phép (không bao gồm bất kỳ nhân viên môi giới Hải quan được cấp phép nào thuộc công ty dịch vụ hải quan hoặc công ty xử lý thủ tục hải quan, v.v.) gây thiệt hại cho khách hàng

do cố ý hoặc sơ suất trong khi cung cấp dịch vụ của mình, họ sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết như đăng ký bảo hiểm để bồi thường trách nhiệm cho những thiệt hại đó.

5.5 Các công ty dịch vụ hải quan

Các công ty môi giới Hải quan được cấp phép có thể thành lập một công ty dịch vụ Hải quan để cung cấp dịch vụ của họ một cách có hệ thống và chuyên nghiệp cũng như nâng cao lòng tin của công chúng. Nếu một công ty dịch vụ hải quan dự định cung cấp dịch vụ của mình, họ sẽ được đăng ký với KCS. Một công ty dịch vụ hải quan muốn được đăng ký phải đáp ứng các yêu cầu về tư cách thành viên và vốn:

- Mỗi thành viên của một công ty dịch vụ Hải quan phải là một nhà môi giới Hải quan được cấp phép;
- Tổng công ty dịch vụ hải quan phải có ít nhất ba Giám đốc;
- Mỗi công ty dịch vụ hải quan phải có ít nhất năm nhà môi giới hải quan được cấp phép, bao gồm cả giám đốc;
- Tổng công ty dịch vụ hải quan phải có Giám đốc điều hành.

Một công ty dịch vụ hải quan phải có vốn khởi điểm ít nhất là 200 triệu won. Nếu một số tiền được xác định bằng cách trừ đi tổng nợ phải trả trên tổng tài sản trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm cuối năm dịch vụ ngay trước đó nhỏ hơn nhu cầu vốn, thì công ty dịch vụ hải quan sẽ bù đắp khoản thiếu hụt bằng các khoản đóng góp từ các thành viên hoặc tăng vốn, trong vòng sáu tháng sau khi kết thúc mỗi năm dịch vụ. Mọi khoản đóng góp sẽ được tính vào thu nhập bất thường.

- Để bồi thường trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra cho khách hàng trong quá trình thực hiện dịch vụ của mình, Tổng công ty dịch vụ hải quan sẽ tích lũy một khoản dự phòng thiệt hại hoặc mua bảo hiểm trách nhiệm thiệt hại cho mỗi năm dịch vụ;
- Không công ty dịch vụ hải quan nào được đầu tư vào bất kỳ công ty nào khác cũng như không đảm bảo nghĩa vụ của người khác vượt quá số tiền được xác định bằng cách nhân vốn chủ sở hữu với một tỷ lệ;

Công ty dịch vụ hải quan sẽ sử dụng cụm từ "Công ty dịch vụ hải quan" làm tên hoặc một phần của nó.

Một công ty dịch vụ hải quan có thể có một chi nhánh ngoài văn phòng chính của nó.

- Ít nhất hai nhân viên môi giới hải quan được cấp phép làm giám đốc sẽ làm việc toàn thời gian tại văn phòng chính của một công ty dịch vụ hải quan và ít nhất một nhân viên môi giới hải quan được cấp phép là giám đốc sẽ làm việc toàn thời gian tại văn phòng chi nhánh của công ty đó;
- Giám đốc và một nhân viên môi giới Hải quan được cấp phép trực thuộc của một công ty dịch vụ hải quan không được có bất kỳ văn phòng nào, ngoài tập đoàn dịch vụ hải quan.

5.6 Tổng công ty làm thủ tục hải quan

Bất kỳ người nào sau đây, đã đăng ký với KCS đều có thể cung cấp dịch vụ thông quan:

- Một công ty tham gia vào hoạt động kinh doanh cung cấp các dịch vụ vận chuyển, lưu kho hoặc xếp dỡ;
- Một công ty có ít nhất 50/100 vốn là được đầu tư bởi một công ty;
- Một công ty tiếp vận chung được chứng nhận theo Luật khung về chính sách logistics.

Một công ty làm thủ tục hải quan, v.v. chỉ có thể cung cấp dịch vụ thông quan cho hàng hóa mà dịch vụ vận tải, v.v. được bên thứ ba ủy thác cho một công ty làm thủ tục hải quan, v.v. hoặc một công ty đã đầu tư vào một công ty làm thủ tục hải quan.

Khi một công ty làm thủ tục hải quan, v.v. cung cấp dịch vụ thông quan cho hàng hoá, thì công ty đó sẽ trực tiếp cung cấp dịch vụ vận chuyển, v.v. cho hàng hoá bằng các phương tiện hoặc thiết bị riêng của mình. Một công ty làm thủ tục hải quan, v.v. phải có ít nhất một công ty môi giới Hải quan được cấp phép tại mỗi văn phòng mà công ty dự định cung cấp dịch vụ thông quan.

5.7 Hiệp hội môi giới hải quan

Các công ty môi giới Hải quan được cấp phép đã thành lập Hiệp hội Môi giới Hải quan Hàn Quốc để nâng cao phẩm giá và năng lực của họ, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và thiết lập trật tự thông quan hợp lý. Hiệp hội Môi giới Hải quan Hàn Quốc chịu sự giám sát của Ủy viên Cục Hải quan Hàn Quốc.

6. AN NINH HẢI QUAN

Khi cơ quan Hải quan chấp nhận tờ khai về bất kỳ hàng hóa chịu thuế nào, có thể yêu cầu một biện pháp an ninh tương đương với nghĩa vụ liên quan nếu:

- Một người đã bị trừng phạt bằng hình phạt tù lao động vì vi phạm Luật Hải quan về các trường hợp đặc biệt liên quan đến việc hoàn lại thuế hải quan, v.v. Bị phạt đối với Nguyên liệu thô để xuất khẩu và đã hai năm trôi qua kể từ khi việc thi hành án chấm dứt (bao gồm cả các trường hợp khi việc thi hành được coi là chấm dứt) hoặc được miễn trừ;
- Người đang trong thời gian thi hành án phạt tù lao động, vi phạm Luật Hải quan về các trường hợp đặc biệt liên quan đến việc hoàn thuế hải quan, v.v ... Đối với nguyên liệu thô xuất khẩu;
- Một người đã bị phạt bằng tiền hoặc người đã nhận được thông báo về việc xử lý theo Luật Hải quan về các trường hợp đặc biệt liên quan đến việc hoàn thuế hải quan, v.v ... Đối với Nguyên liệu thô để xuất khẩu và đã hai năm chưa hết hiệu lực kể từ ngày tiền phạt đã bị kết án hoặc thông báo về việc xử lý đã được áp dụng;
- Một người có bất kỳ hồ sơ nào về các khoản thuế chây ì, chẳng hạn như thuế Hải quan, v.v. trong hai năm gần nhất, kể từ ngày nộp tờ khai nhập khẩu;
- Người gặp khó khăn trong việc bảo đảm các yêu cầu về thuế hải quan, xem xét kết quả nhập khẩu, thuế suất hàng hóa nhập khẩu, v.v.

6.1 Các kiểu an ninh

Các loại an ninh được cung cấp theo Luật Hải quan sẽ như sau:

- Tiền bạc;
- Trái phiếu chính phủ hoặc trái phiếu địa phương;
- Chứng khoán do Thủ trưởng cơ quan Hải quan chấp thuận;
- Bảo lãnh chính sách bảo hiểm khi nộp thuế;
- Đất đai;

- Các tòa nhà đã được đăng ký hoặc ghi nhận, nền móng nhà máy, nền hầm mỏ, tàu thuyền, máy bay hoặc máy móc xây dựng đã được bảo hiểm;
- Thư bảo lãnh nộp thuế hải quan của người bảo lãnh được Thủ trưởng cơ quan hải quan phê duyệt.

Chứng khoán được cơ quan Hải quan chấp thuận như sau:

- Trái phiếu được phát hành bởi các tổng công ty được thành lập theo các Luật Đặc biệt;
- Trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu đảm bảo giữa các khoản nợ của các công ty niêm yết trên Sàn giao dịch Hàn Quốc;
- Chứng khoán có hồ sơ giao dịch giữa các chứng khoán niêm yết trên Sàn giao dịch Hàn Quốc;
- Chứng chỉ tiền gửi;
- Chứng khoán sinh lời, có thể yêu cầu mua lại, cung cấp hoặc chuyển giao bảo đảm để nộp thuế, trong số các chứng khoán sinh lời phù hợp với Luật Dịch vụ Đầu tư Tài chính và Thị trường vốn.

Thư bảo lãnh nộp thuế hải quan của người bảo lãnh được cơ quan Hải quan chấp thuận như sau:

- Thư bảo lãnh do ngân hàng được thành lập được phép kinh doanh ngân hàng phát hành theo quy định của Luật Ngân hàng;
- Thư bảo lãnh do Quỹ Bảo lãnh Tín dụng Hàn Quốc phát hành theo Luật Bảo lãnh Tín dụng;
- Thư bảo lãnh do Liên đoàn Tổ chức Bảo lãnh Tín dụng Hàn Quốc phát hành theo Đạo luật Tổ chức Bảo lãnh Tín dụng Khu vực;
- Thư bảo lãnh do Công ty Cổ phần Tài chính Công nghệ Hàn Quốc phát hành theo quy định của Đạo luật Quỹ Bảo lãnh Tín dụng Công nghệ Hàn Quốc;
- Sổ tạm quản;
- Trái phiếu vận tải đường bộ quốc tế dưới vỏ bọc của mạng lưới TIR;
- Thư bảo lãnh một người đã đăng ký theo điểm 5 khoản 1 Điều 222 Luật Hải quan;
- Thư bảo lãnh của người được cơ quan hải quan chấp thuận đủ năng lực để thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh.

6.2 An ninh toàn diện

Bất kỳ người nào có ý định trang bị an ninh toàn diện phải nộp đơn yêu cầu trang bị an ninh và an ninh cho cơ quan Hải quan có thẩm quyền trong khu vực.

Đối với an ninh toàn diện, chỉ các tài sản thế chấp thuộc bất kỳ tiêu đề nào sau đây mới có thể được cung cấp:

- Tiền bạc;
- Trái phiếu và cổ phiếu mà một quốc gia hoặc một chính quyền địa phương đã phát hành;
- Ngân hàng bảo lãnh;
- Chính sách Bảo hiểm Đảm bảo khi Thanh toán thuế;
- Quỹ Bảo lãnh Tín dụng Hàn Quốc hoặc thư bảo lãnh do Liên đoàn Tổ chức Bảo lãnh Tín dụng Hàn Quốc phát hành;
- Thư bảo lãnh do Công ty Cổ phần Tài chính Công nghệ Hàn Quốc phát hành.

Các tài sản thế chấp toàn diện được sử dụng để thanh toán tổng hợp thuế quan và v.v. sẽ có giá trị tương đương với số tiền thuế phải trả một lần. Các tài sản thế chấp giống nhau có thể được trang bị bởi từng đơn vị kinh doanh hoặc có thể được gộp chung và trang bị bởi một văn phòng chính. Tuy nhiên, việc hoàn trả tiền thuế, v.v., sẽ do các đơn vị doanh nghiệp cung cấp.

Khi các khoản thuế hải quan, phụ phí và chi phí xử lý mặc nhiên đã được đề nghị thanh toán, cơ quan Hải quan sẽ làm thủ tục hủy bỏ biện pháp bảo đảm ngay lập tức.

7. CẤM VÀ HẠN CHẾ

Theo Luật Ngoại thương và nghị định thi hành luật này, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng có thể hạn chế hoặc cấm xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa, v.v. được chỉ định và thông báo công khai, nếu thấy cần thiết để thực hiện, v.v. về bất kỳ điều nào sau đây vấn đề:

- Thực hiện các nghĩa vụ theo các hiệp ước được ký kết và ban hành theo Hiến pháp của Hàn Quốc và các quy định và luật pháp quốc tế được chấp nhận chung;
- Bảo vệ tài nguyên sinh vật;
- Thúc đẩy hợp tác kinh tế với các nước đối tác thương mại;
- Cung - cầu vật tư phục vụ quốc phòng liền mạch;
- Phát triển khoa học và công nghệ;
- Các hạng mục chiến lược;
- Bất kỳ vấn đề nào khác do Nghị định của Tổng thống quy định khi cần thiết cho các chính sách thương mại và công nghiệp.

Trong quá trình kiểm tra dữ liệu tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu đã nộp, cơ quan Hải quan phải xác nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có đáp ứng các điều kiện xin phép, phê duyệt, ghi nhãn và các điều kiện khác (điều kiện bắt buộc đối với xuất khẩu, nhập khẩu) hay không.

7.1 Kiểm soát xuất khẩu

7.1.1 Giấy phép xuất khẩu

Nhà xuất khẩu cần xin giấy phép xuất khẩu nếu sản phẩm và/hoặc công nghệ tham gia vào giao dịch được phân loại là chiến lược. Tất cả các công việc liên quan đến kiểm soát xuất khẩu, bao gồm cả việc xin giấy phép xuất khẩu, đều có thể được xử lý trực tuyến.

7.1.2 Ứng dụng Chương trình Tuân thủ



Dịch vụ đăng ký Chương trình Tuân thủ cho phép một công ty gửi yêu cầu tới MOTIE để được chứng nhận là một bên tham gia Chương trình Tuân thủ (CP) và gửi các báo cáo thường xuyên sau khi được chỉ định. MOTIE chứng nhận các công ty đưa chương trình tuân thủ vào hoạt động kinh doanh của họ để tuân thủ các quy định kiểm soát xuất khẩu và những công ty đó có quyền nộp đơn xin giấy phép xuất khẩu toàn diện và các lợi ích khác.

Người tham gia CP (Thương nhân tự nguyện tuân thủ)

Người tham gia Chương trình Tuân thủ (CP) là một thương nhân có năng lực tuân thủ việc kiểm soát xuất khẩu bằng cách phân loại các mặt hàng của riêng họ, kiểm tra tính hợp lệ của người dùng cuối, xem xét kỹ lưỡng các chi tiết giao dịch và tiến hành đánh giá thường xuyên.

Tài liệu đăng kí

- Hồ sơ công ty;
- Cơ cấu nhân sự tuân thủ;
- Các chính sách tuân thủ nội bộ, v.v.

Những lợi ích

- Đủ điều kiện để được cấp phép xuất khẩu toàn diện;
- Sau khi nộp hồ sơ bổ sung giấy phép xuất khẩu cá nhân;
- Giảm các hình thức xử phạt vi phạm hành chính do vô ý vi phạm các quy định về kiểm soát xuất khẩu;
- Miễn một phần hoặc toàn bộ nhu cầu về các tài liệu bổ sung khi nộp đơn đăng ký giấy phép xuất khẩu cá nhân và/hoặc toàn diện với cùng một người dùng cuối đã được cấp giấy phép xuất khẩu trong giao dịch trước đó hoặc với người dùng cuối là công ty con đang cư trú Hải ngoại

Vui lòng truy cập Hướng dẫn chương trình tuân thủ, Viện thương mại chiến lược Hàn Quốc và Yestrade để biết thêm chi tiết.

7.1.3 Tự phân loại

Dịch vụ tự phân loại cho phép các công ty tự xác định xem sản phẩm hoặc dịch vụ của công ty có bị kiểm soát hay không. Cần lưu ý rằng việc tự phân loại đối với các công nghệ chiến lược không có hiệu lực pháp lý. Do đó, khi xin giấy phép xuất khẩu công nghệ, chỉ có kết quả phân loại do cơ quan phân loại thực hiện mới được xác nhận như một tài liệu bổ sung.

7.1.4 Phân loại

Khi các công ty gặp khó khăn trong việc xác định xem mặt hàng của họ có bị kiểm soát hay không, họ có thể gửi yêu cầu dịch vụ phân loại đến Viện Thương mại Chiến lược Hàn Quốc.

7.1.5 Giấy chứng nhận nhập khẩu

Khi nhà xuất khẩu nước ngoài yêu cầu chứng chỉ chứng minh sự tin cậy của người sử dụng/người sử dụng cuối từ một bên nhập khẩu, nhà nhập khẩu có thể đăng ký Giấy chứng nhận nhập khẩu do Chính phủ Hàn Quốc cấp. Chính phủ cấp Giấy chứng nhận nhập khẩu của Hàn Quốc để xác nhận rằng nguồn cung cấp được đề cập là do Hàn Quốc nhập khẩu và sử dụng như đã khai báo trong hợp đồng.

7.2 Kiểm soát nhập khẩu

Theo Luật Ngoại thương Hàn Quốc, kể từ năm 2000, ngoại thương đã được tự do hóa hoàn toàn, và bất kỳ cá nhân hoặc doanh nghiệp nào cũng có thể tự do tham gia vào các hoạt động ngoại thương. Chỉ để tạo thuận lợi cho việc thông quan và thống kê hải quan, KCS và MOTIE khuyến khích việc triển khai “hệ thống đánh số”, tức là khuyến khích các doanh nghiệp ngoại thương đăng ký một số cố định tương ứng với doanh nghiệp cho Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc, và điền vào Thủ tục hải quan. Tuy nhiên, việc nhập khẩu các mặt hàng đặc biệt như thuốc, thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại, xăng dầu, thuốc lá, nhân sâm, các sản phẩm nông thủy sản được chỉ định và các ấn phẩm, phim nước ngoài vẫn phải được cấp phép theo quy định của pháp luật có liên quan.

Theo quy định của WTO, Hàn Quốc về cơ bản đã loại bỏ các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhập khẩu nông sản. Đồng thời, Hàn Quốc đã thiết lập hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng và an toàn đối với các sản phẩm nông nghiệp theo tiêu chuẩn kiểm dịch và y tế, đối với các sản phẩm công nghiệp nhập khẩu, Hàn Quốc chủ yếu thực hiện chứng nhận an toàn theo quy định của pháp luật trong nước. Trong số đó, một số mặt hàng dệt may, hóa

chất, máy móc, công trình dân dụng và nhu yếu phẩm hàng ngày phải được nộp cho tổ chức chứng nhận để áp dụng Chương trình Tuân thủ sau khi cơ quan thanh tra vượt qua kiểm tra và Hàn Quốc cũng thực hiện chứng nhận bắt buộc đối với các sản phẩm công nghiệp nhập khẩu.



7.3 Bảo vệ động vật và thực vật hoang dã

KCS đang góp phần bảo vệ quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng bằng cách xác nhận xem nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu có liên quan đã có giấy chứng nhận xuất khẩu hoặc giấy phép khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu động vật và thực vật hoang dã nguy cấp và cũng so sánh và kiểm tra chúng với hàng hóa thực tế, từ đó phát hiện và trừng trị hành vi buôn lậu trá hình dưới lớp áo hợp pháp, v.v.

Bảng 2 Hạn chế xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu tuân theo Công ước CITES tại Hàn Quốc

Phân loại	Động vật và thực vật chịu các hạn chế của Công ước CITES	Các hạn chế về xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu của Hàn Quốc
Phụ lục 1 loài	Động vật và thực vật có nguy cơ tuyệt chủng quốc tế; 556 loài bao gồm sư tử, hổ và rắn hổ	Buôn bán quốc tế những động vật như vậy vì mục đích thương mại bị cấm. Phải có giấy chứng nhận xuất khẩu hoặc giấy phép nhập khẩu.
Phụ lục 2 loài	Động vật và thực vật hiện chưa có nguy cơ tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị tuyệt chủng trong tương lai; 262 loài bao gồm hươu, cú và xương rồng	Cho phép buôn bán quốc tế những động vật và thực vật đó vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, phải có giấy chứng nhận xuất khẩu hoặc giấy phép nhập khẩu.
Phụ lục 3 loài	Động vật và thực vật được chỉ định bởi từng quốc gia có liên quan để bảo vệ động vật và thực vật của họ; 241 loài bao gồm vipers Ấn Độ và anh túc Nepal	Cho phép buôn bán quốc tế những động vật và thực vật đó vì mục đích thương mại. Yêu cầu phải có giấy chứng nhận xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận xuất xứ.

Nguồn: Trang web KCS.

Động vật và thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cao được vận chuyển hoặc vận chuyển trái phép vào Hàn Quốc và bị Hải quan phát hiện:

- Xương và thịt hổ;
- Da hổ;
- Ngà voi;
- Túi mật gấu

- Tên

Bất kỳ ai vận chuyển các loài CITES vào hoặc ra khỏi Hàn Quốc mà không khai báo xuất nhập khẩu sẽ bị trừng phạt. Bất kỳ người nào chuẩn bị các tài liệu bất buộc sai để làm thủ tục Hải quan đối với các loài chịu các hạn chế của Công ước CITES và bị Hải quan thông quan bằng các phương thức gian lận hoặc bất kỳ phương thức bất hợp pháp nào khác sẽ bị trừng phạt.

8. NGHĨA VỤ HẢI QUAN VÀ THUẾ

8.1 Tóm tắt về thuế nhập khẩu

Theo WTO, tổng quan về Thuế nhập khẩu tại Hàn Quốc được trình bày trong Bảng dưới đây..

Bảng 3 Tóm tắt về Biểu thuế Hàn Quốc

Tóm tắt	Tổng			Ag			Non-Ag		
	13.7			56.9			6.8		
Phân phối tần số	không	0-5	5-10	10-15	15-25	25-50	50-100	>100	NAV
	Đường biểu thuế (%)								
Ag áp dụng nguyên tắc tối hậu quốc	5.5	17.7	22.4	1.2	12.9	28.1	2.0	10.0	3.2
Non-Ag MFN applied	16.6	12.1	61.1	6.4	3.8	0.0	0.0	0	0.0
Nhóm sản phẩm	Thuế áp dụng bởi nguyên tắc tối huệ quốc								
	AVG			Miễn thuế %			Tối đa		
Sản phẩm từ động vật	21.5			3.1			89		
Sản phẩm từ sữa	66.0			0			176		
Trái cây, rau, thực vật	59.3			0.2			887		
Cà phê, trà	56.4			0			514		
Ngũ cốc và chế phẩm	187.1			0.2			800		



Ngũ cốc & chế phẩm Hạt dầu, mỡ và dầu	40.7	3.6	630
Đường và bánh kẹo	15.7	0	243
Đồ uống & thuốc lá	31.4	0	270
Bông	0.0	100.0	0
Các sản phẩm nông nghiệp khác	20.4	21.5	754
Cá và các sản phẩm từ cá	16.7	0.4	32
Khoáng sản & kim loại	4.6	27.0	8
Dầu mỏ	4.5	3.3	8
Hóa chất	5.6	6.4	59
Gỗ, giấy, v.v.	2.4	64.5	13
Vải	9.0	1.5	13
Quần áo	12.5	0	13
Giày da, giày vải, v.v	7.6	2.7	16
Máy móc không dùng điện	5.9	22.6	13
Máy móc dùng điện	6.0	21.2	13
Thiết bị vận tải	5.7	24.9	10
Đồ chế tạo	6.1	16.8	13

Nguồn: Thống kê WTO.

8.2 Thuế suất

Thuế suất thuế hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu như sau:

- Mức thuế cơ bản;
- Mức thuế tạm tính;
- Các mức thuế khác do Nghị định của Tổng thống hoặc Sắc lệnh của Bộ Kinh tế - Tài chính quy định.

Thuế suất cơ bản và thuế suất tạm tính sẽ được điều chỉnh bởi Biểu thuế suất và thuế suất tạm tính sẽ ưu tiên hơn mức thuế suất cơ bản trong đơn áp dụng, các mức thuế suất khác do Nghị định của Tổng thống hoặc pháp lệnh của Bộ Kinh tế - Tài chính quy định sẽ thực hiện. Ưu tiên hơn bất kỳ mức thuế suất nào khác.

Thuế suất chỉ được áp dụng ưu đãi nếu mức thuế đó thấp hơn mức thuế cơ bản, mức thuế tạm tính và các mức thuế khác. Với điều kiện là, mức ưu đãi thuế quan được thực hiện với tỷ lệ tương đương với chênh lệch giữa giá trong nước và giá nước ngoài trong các cuộc đàm phán thuế quan với một tổ chức quốc tế và tỷ lệ nhượng bộ thuế quan (bao gồm cả thuế suất ưu đãi đối với hạn ngạch tiếp cận thị trường) được thực hiện để Hàng hóa theo Nghị định của Tổng thống trong số các sản phẩm nông, lâm, sản, vật nuôi được ưu đãi thuế quan với mức cao hơn mức thuế cơ bản trong quá trình mở cửa thị trường trong nước được ưu tiên áp dụng thuế suất cơ bản và thuế suất tạm tính.

Điều chỉnh thuế suất

- Nhiệm vụ chống bán phá giá;
- Nhiệm vụ đối kháng;
- Nhiệm vụ trả đũa;
- Nhiệm vụ khẩn cấp và Nhiệm vụ khẩn cấp tạm thời;
- Nhiệm vụ khẩn cấp đặc biệt về nông sản, lâm sản và vật nuôi;
- Nhiệm vụ điều chỉnh;
- Nhiệm vụ hạn ngạch;
- Nhiệm vụ theo mùa.

Biểu thuế hợp tác quốc tế

- Biểu thuế có lợi
Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc từ bất kỳ quốc gia nào không được hưởng lợi ích theo bất kỳ hiệp ước thuế quan nào, các lợi ích về thuế quan trong giới hạn lợi ích được cấp theo bất kỳ hiệp ước nào đã ký kết với nước ngoài có thể được cấp cho hàng hóa đó.

- Nhiệm vụ ưu đãi chung

Đối với hàng hóa từ các nước đang phát triển, thuế hải quan có thể được áp dụng đối với hàng hóa đó ở mức thấp hơn mức thuế cơ bản.

Áp dụng biểu thuế

Mặc dù có các quy định khác, thuế suất đơn giản hóa có thể được áp dụng đối với hàng hóa do Nghị định của Tổng thống quy định trong số các hàng hóa sau:

- Hàng hóa do du khách hoặc thủy thủ đoàn của bất kỳ phương tiện vận tải nào ra nước ngoài nhập khẩu với mục đích cá nhân;
- Bưu phẩm;
- Hàng hóa được sử dụng để sửa chữa hoặc thay thế một phần của bất kỳ tàu thuyền và máy bay nào ở nước ngoài;
- Hàng gửi hoặc hàng không có người đi kèm.

Trường hợp hàng hoá nộp tờ khai nhập khẩu theo từng khối khác nhau về mức thuế theo mặt hàng thì mức thuế cao nhất có thể được áp dụng theo yêu cầu của người nộp tờ khai nhập khẩu đó.

8.3 Miễn hoặc giảm thuế

Tại Hàn Quốc, thuế nhập khẩu có thể được miễn và giảm đối với các mặt hàng sau:

A. Hàng hóa cho các nhà ngoại giao

B. Hàng hóa chịu thuế suất không đều

Hàng hóa chủ yếu bao gồm các bộ phận và nguyên liệu thô (bao gồm các bộ phận tái nhập khẩu được sửa chữa hoặc sản xuất ở nước ngoài sau khi xuất khẩu và nguyên liệu thô đã được gia công và sửa chữa) được sử dụng bởi một doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Luật hạn chế đánh thuế đặc biệt sản xuất, sửa chữa bất kỳ loại hàng hóa nào sau đây tại nhà máy do lãnh đạo cơ quan Hải quan chỉ định: máy bay (kể cả các bộ phận); thiết bị dùng để sản xuất chất bán dẫn (bao gồm cả máy móc phụ kiện của chúng).

C. Hàng hóa dùng cho nghiên cứu khoa học

Nếu thuế hải quan được giảm hoặc miễn, mức giảm và miễn thuế sẽ được xác định theo Pháp lệnh của Bộ Kinh tế

và Tài chính.

D. Hàng hóa cho tôn giáo, từ thiện và người tàn tật

Thuế hải quan có thể được miễn đối với bất kỳ hàng hóa nhập khẩu nào, đã được:

- nước ngoài tài trợ cho các nhà thờ, chùa chiền, tổ chức tôn giáo và cho mục đích từ thiện, cứu trợ;
- tặng cho các cơ sở từ thiện và cứu trợ hoặc các cơ sở phúc lợi xã hội;
- do Quỹ Chữ thập đỏ quốc tế, các hiệp hội Chữ thập đỏ nước ngoài và các tổ chức quốc tế tài trợ cho các hoạt động phục vụ hòa bình quốc tế hoặc các hoạt động thân thiện quốc tế;
- được chế tạo hoặc sản xuất đặc biệt để sử dụng cho người khiếm thính, khiếm thị hoặc khiếm thị, khuyết tật về thể chất, bệnh nhân suy thận mãn tính, bệnh nhân mắc các bệnh hiếm gặp hoặc nan y, v.v.

E. Hàng hóa được Chính phủ sử dụng

- hàng hoá biểu, tặng cho các cơ quan Nhà nước hoặc chính quyền địa phương để sử dụng chính thức;
- hàng hóa quân sự do Chính phủ nhập khẩu;
- hàng hóa dùng để phục vụ bảo vệ cho nguyên thủ quốc gia; hàng hoá của lực lượng quân đội đóng quân ở nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài sử dụng vào mục đích công vụ;
- hàng hóa nhập khẩu với mục đích thông tin liên lạc khẩn cấp và kiểm soát sóng vô tuyến mà hàng hóa đó rất cần thiết cho an ninh quốc gia;
- các ấn phẩm, hồ sơ, băng ghi âm, slide đã ghi, phim chiếu và các hàng hóa, tài liệu tương tự khác được chính phủ nhập khẩu trực tiếp
- hàng hóa từ máy móc, thiết bị, vv được nhập khẩu bởi nhà nước hoặc chính quyền địa phương để đo hoặc phân tích ô nhiễm môi trường (bao gồm tiếng ồn và độ rung);
- hàng hóa được nhập khẩu bởi nhà nước và chính quyền địa phương (bao gồm các tập đoàn do nhà nước hoặc chính quyền địa phương thành lập, đầu tư hoặc đóng góp) để đo lường, bảo tồn hoặc cải thiện chất lượng nước uống;
- hàng hóa do Giám đốc Cơ quan Tình báo Quốc gia nhập khẩu hoặc người được Giám đốc Cơ quan Tình báo Quốc gia ủy thác được xác định là cực kỳ cần thiết cho an ninh quốc gia.

F. Hàng hóa cụ thể

- dùng để nhân giống động vật, thực vật và cải tạo hạt giống;
- được nhập khẩu bởi những người tham gia để triển lãm tại hội chợ, cuộc thi thể thao quốc tế và các sự kiện khác tương tự;
- hàng hoá do nước ngoài viện trợ nhằm mục đích hỗ trợ khôi phục và cứu hộ trong trường hợp sự cố hạt nhân hoặc sự cố phóng xạ;
- cá và sinh vật biển (bao gồm các sản phẩm thủy sản được chế biến hoặc sản xuất bằng cách sử dụng cá và sinh vật biển đó tại tàu đánh cá Hàn Quốc) do tàu đánh cá Hàn Quốc thu hoặc đánh bắt trong lãnh hải của bất kỳ nước ngoài nào khi được phép của chính phủ nước ngoài đó;
- cá và sinh vật biển được thu hoặc đánh bắt bởi bất kỳ tàu đánh cá nào của Hàn Quốc hợp tác với tàu đánh cá nước ngoài;
- cá và sinh vật biển mà một người thu thập hoặc đánh bắt thông qua liên doanh với bất kỳ người nước ngoài nào khi được phép và phù hợp với các yêu cầu;
- hàng hóa không thể tái chế được dùng để đóng gói cá và sinh vật biển do tàu đánh cá Hàn Quốc thu thập hoặc đánh bắt, v.v.;
- hàng hóa được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất thử nghiệm để xác minh xem máy móc và thiết bị do một doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước sản xuất, theo yêu cầu của nhà cung cấp nước ngoài, có phù hợp với thông số kỹ thuật và chức năng do nhà cung cấp nước ngoài đó quy định hay không;
- Hàng của nguyên thủ nước ngoài, gia đình và đoàn tùy tùng thăm Hàn Quốc;
- các bộ phận và thiết bị của con tàu Hàn Quốc đã bị phá vỡ hoặc phương tiện vận tải bị đắm;
- hàng hóa cần thiết để xây dựng hoặc sửa chữa các cây cầu, cơ sở thông tin liên lạc, đường hầm dưới biển và các cơ sở khác tương ứng với chúng, để liên kết Hàn Quốc và nước ngoài;
- hàng hoá làm giấy chứng nhận cho hàng hoá xuất khẩu, chỉ ra rằng hàng hoá xuất khẩu đó phù hợp với các điều kiện, bao gồm nhưng không giới hạn chất lượng, tiêu chuẩn và an toàn do cơ quan có thẩm quyền của bất kỳ nước nhập khẩu nào quy định;
- hàng hóa được sử dụng để khôi phục thiệt hại do tai nạn đối với bất kỳ tàu hoặc máy bay nào của Hàn Quốc ở nước ngoài với chi phí của bất kỳ công ty bảo hiểm nước ngoài hoặc người vi phạm nước ngoài;

- hàng hóa nhập khẩu như các bộ phận được sử dụng để sửa chữa bất kỳ sự cố nào của tàu hoặc máy bay Hàn Quốc do tai nạn xảy ra ở nước ngoài trong thời gian bảo hành với chi phí của bất kỳ nhà cung cấp nước ngoài nào, được quy định trong hợp đồng mua bán;
- hàng hóa được nhập khẩu như hàng thể thao (bao gồm cả các thành phần của chúng) cho Thế vận hội Olympic, Paralympic, Deaflympics, Đại hội thể thao châu Á và Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á;
- các vật liệu cần thiết để xây dựng, duy trì và trang trí các nghĩa trang quốc gia và đồ dùng để tang lễ dùng để làm quan tài của những người được chôn cất trong các nghĩa trang quốc gia và hộp đựng hài cốt;
- đồ đạc cá nhân của bất kỳ người tiền nhiệm nào được thừa kế cho bất kỳ người nào cư trú tại Hàn Quốc sau khi người tiền nhiệm đó qua đời.

G. Hàng hóa tổng hợp nhỏ

- huy chương, lời chứng thực hoặc trích dẫn và giải thưởng tương ứng đã được cấp cho cư dân ở Hàn Quốc;
- hồ sơ và các tài liệu khác;
- hàng hóa được xác định theo Pháp lệnh của Bộ Kinh tế và Tài chính là hàng mẫu thương mại hoặc tài liệu quảng cáo;
- hàng hóa theo Sắc lệnh của Bộ Kinh tế và Tài chính được xác định là hàng hóa có giá trị nhỏ mà cư dân ở Hàn Quốc nhận được.

H. Hàng hóa được sử dụng để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường

Thuế hải quan có thể được giảm hoặc miễn đối với bất kỳ hàng hóa nhập khẩu nào sau đây, những hàng hóa khó sản xuất tại Hàn Quốc:

- máy móc, thiết bị, phương tiện và thiết bị là hàng hóa được sử dụng để ngăn chặn phát thải các chất ô nhiễm (kể cả tiếng ồn và độ rung) hoặc xử lý chất ô nhiễm;
- máy móc và thiết bị như hàng hóa được sử dụng để xử lý chất thải (bao gồm cả tái chế);
- máy móc, thiết bị, cơ sở và thiết bị tự động hóa của nhà máy (kể cả các thiết bị thành phần của nó) và các bộ phận quan trọng của chúng như máy móc hoặc hàng hóa ứng dụng công nghệ điện tử hoặc hàng hóa ứng dụng công nghệ xử lý dữ liệu.

I. Hàng hóa tái xuất

Hàng hoá tái xuất có thể được miễn thuế hải quan trong các khoảng thời gian cụ thể kể từ ngày chấp nhận tờ khai nhập khẩu.

J. Hàng tái nhập

Hàng hóa xuất khẩu từ Hàn Quốc có thể được miễn thuế hải quan (bao gồm cả hàng xuất khẩu gia công ngoại quan) được nhập khẩu trở lại mà không được sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng ở bất kỳ nước ngoài nào trong vòng hai năm kể từ ngày tờ khai xuất khẩu được chấp thuận.

K. Giảm do suy thoái

Khi hàng hóa bị giảm chất lượng hoặc hư hỏng trước khi tờ khai nhập khẩu được chấp nhận, thuế hải quan của hàng hóa đó có thể được giảm.

Trường hợp thuế Hải quan được thu thêm đối với hàng hóa đã được giảm hoặc miễn thuế, nếu hàng hóa đó bị hư hỏng hoặc đã qua sử dụng, do đó làm giảm giá trị của chúng, thì thuế Hải quan bổ sung đó có thể được giảm.

L. Hàng hóa được gia công và tin cậy ở nước ngoài

Hàng hoá được sản xuất, gia công ở nước ngoài sử dụng nguyên liệu, linh kiện trong nước xuất khẩu để gia công, sửa chữa.

8.4 Nhiệm vụ bổ sung

Khi Thủ trưởng cơ quan Hải quan thu số thuế hải quan nộp thiếu thì tổng hợp các khoản sau đây làm thuế bổ sung:

- 10/100 việc thiếu thuế hải quan có liên quan;
- Số tiền được tính theo công thức sau:
- Sự thiếu hụt liên quan của thuế hải quan trong khoảng thời gian X kể từ ngày sau thời hạn thanh toán cho đến ngày nộp tờ khai sửa đổi hoặc thông báo nộp thuế được gửi X lãi suất.

Trường hợp người nộp thuế khai báo thiếu thuế Hải quan bằng một cách không chính đáng, thì cơ quan Hải quan sẽ thu tổng số tiền tương đương với 40/100 khoản thuế hải quan thiếu liên quan và số tiền đó là thuế bổ sung.

Khi ấn định và thu thuế hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu mà không khai báo nhập khẩu, cơ quan hải quan sẽ thu tổng các khoản sau làm thuế bổ sung:

- 20/100 số tiền thuế Hải quan có liên quan (40/100, nếu người nộp thuế đã bị trừng phạt vì vi phạm hoặc nhận được lệnh xử lý qua thông báo);

- Số tiền được tính bằng cách áp dụng công thức tính sau:

- Số thuế hải quan liên quan X Thời gian kể từ ngày nhập khẩu đến ngày có thông báo nộp thuế X Lãi suất.

8.5 VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt

Hàn Quốc áp dụng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) cố định 10% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước.

Thuế tiêu thụ đặc biệt 10-20% cũng được đánh vào việc nhập khẩu một số mặt hàng xa xỉ và hàng tiêu dùng lâu bền.

Các loại thuế phải nộp bằng tiền won Hàn Quốc trong vòng 15 ngày sau khi hàng hóa được thông quan.

8.6 Phí hải quan và phụ phí

Nếu thời hạn quy định mà thuế Hải quan không được thanh toán đầy đủ, một khoản phụ phí tương đương với 3/100 khoản thuế Hải quan còn nợ đó sẽ được thu kể từ ngày hết thời hạn nói trên.

Nếu các khoản thuế hải quan bị truy thu không được thanh toán, một khoản phụ phí tương đương với 12/1000 khoản thuế hải quan còn nợ đó cộng với khoản phụ phí áp dụng sẽ được áp dụng mỗi tháng kể từ ngày hết thời hạn thanh toán. Trong những trường hợp như vậy, thời gian tính thêm phụ phí tăng thêm sẽ không quá 60 tháng.

Khoản phụ thu thuế Hải quan còn thiếu (bao gồm cả thuế nội bộ do Hải quan thu, nếu có) sẽ ít hơn một triệu won. Phụ phí sẽ không áp dụng cho bất kỳ hàng hóa nào được nhập khẩu trực tiếp bởi nhà nước hoặc chính quyền địa phương.

Khi cơ quan Hải quan thanh toán hoặc trích lập các khoản hoàn thuế Hải quan, một khoản tiền được tính theo lãi suất cộng dồn trong một khoảng thời gian kể từ ngày đầu tiên khi tính hoàn thuế Hải quan, cho đến ngày xác định khoản hoàn trả hoặc xác định khoản trích lập được thực hiện, được thêm vào như một khoản phụ phí cho các khoản hoàn thuế Hải quan đó.

Việc thu thuế Hải quan trong trường hợp không đảm bảo an ninh sẽ được áp dụng những sửa đổi thỏa đáng đối với việc thu phụ phí phạt khi người phải nộp phụ phí phạt trước thời hạn thanh toán.

9. PHÂN LOẠI HS

Hàn Quốc là một bên tham gia công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa wco và tuân theo các quy tắc phân loại hàng hóa của Hệ thống hài hòa.

Bộ trưởng Bộ Chiến lược và Tài chính có thể thiết lập các tiêu chuẩn cần thiết để áp dụng các phân loại thuế quan. Một Ủy ban Phân loại Thuế quan đã được thành lập tại Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc để xem xét các vấn đề về việc thiết lập mới hoặc sửa đổi các tiêu chuẩn để áp dụng các phân loại thuế quan.

Vui lòng truy cập trang web bằng cách sử dụng mô tả hàng hóa hoặc mã Hệ thống hài hòa (HS) để biết thêm chi tiết và truy cập trang web có thể tải xuống Hệ thống HS của Hàn Quốc ở định dạng excel và chỉ có bằng tiếng Hàn.

10. ĐỊNH GIÁ HẢI QUAN

10.1 Phương pháp đầu tiên

Phương pháp đầu tiên là phương pháp nguyên tắc xác định trị giá tính thuế của hàng hóa. Hầu hết trị giá tính thuế được xác định theo phương pháp đầu tiên xác định trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu dựa trên giá giao dịch của chúng.

Trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu là giá giao dịch được điều chỉnh bằng cách cộng số tiền sau vào giá hàng hoá xuất khẩu cho Hàn Quốc đã thực thanh toán hoặc người bán phải thanh toán với điều kiện phải cộng số tiền sau dựa trên dữ liệu mục tiêu và dữ liệu định lượng được, và nếu dữ liệu đó không có sẵn, giá trị tính thuế sẽ được xác định bằng các phương pháp khác thay vì:

- Hoa hồng và phí môi giới do người bán hàng phải chịu ngoại trừ hoa hồng mua sẽ bị loại trừ;
- Chi phí liên quan đến các công-te-nơ được xử lý theo cách thức tương tự như hàng hóa nhập khẩu liên quan, chi phí nhân công và chi phí vật liệu phát sinh để đóng gói hàng hóa nhập khẩu liên quan, tất cả đều do nhà cung cấp chịu;
- Số tiền được tính bằng cách phân bổ hợp lý giá hoặc số dư chiết khấu cho hàng hóa và dịch vụ có xem xét các yếu tố, chẳng hạn như tổng sản lượng hàng hóa nhập khẩu có liên quan, nếu một nhà cung cấp cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp, hàng hóa và dịch vụ miễn phí tính phí hoặc với giá chiết khấu, để sản xuất và xuất khẩu hàng hoá nhập khẩu có liên quan;
- Số tiền được tính, được trả cho quyền sáng chế, quyền mẫu hữu ích, quyền thiết kế, quyền nhãn hiệu và các quyền khác tương tự như vậy;
- Số tiền trực tiếp hoặc gián tiếp được trả cho người bán, trong số các khoản tiền thu được từ việc bán lại, thanh lý hoặc sử dụng hàng hóa nhập khẩu có liên quan;
- Số tiền được xác định là tiền cước, hóa đơn bảo hiểm và các chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển đến cảng nhập.

"Giá thực tế đã được thanh toán hoặc người bán phải trả" có nghĩa là tổng số tiền mà người bán phải trả hoặc phải trả cho hàng hóa nhập khẩu có liên quan, bao gồm cả số tiền bù đắp khoản nợ của người bán theo giá của mặt hàng có liên quan hàng hóa nhập khẩu, số nợ của nhà cung cấp mà người bán phải trả, và khoản thanh toán gián tiếp khác.

Nếu bất kỳ số tiền nào sau đây được tách biệt rõ ràng với tổng số tiền người bán đã thanh toán hoặc phải trả, thì số tiền được tính sẽ được khấu trừ khỏi giá trị tính thuế:

- Chi phí liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, lắp ráp, sửa chữa và bảo dưỡng hàng hóa nhập khẩu tương ứng, được thực hiện sau khi nhập khẩu hoặc chi phí liên quan đến việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho hàng hóa nhập khẩu tương ứng;
- Phí vận chuyển và phí bảo hiểm cần thiết cho việc vận chuyển hàng hoá nhập khẩu liên quan sau khi hàng hoá đến cảng nhập cảnh và các chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá đó;
- Thuế hải quan và phí công đối với hàng hóa nhập khẩu có liên quan tại Hàn Quốc;
- Nếu hàng hoá có liên quan được nhập khẩu theo phương thức trả chậm thì lãi suất trả chậm.

Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu liên quan sẽ không phải là giá giao dịch mà sẽ được xác định theo các phương pháp quy định trong Luật Hải quan. Trong trường hợp này, Thủ trưởng cơ quan Hải quan có trách nhiệm thông báo trước bằng văn bản cho người chịu trách nhiệm nộp thuế về những căn cứ làm phát sinh một trong các trường hợp sau và tạo cơ hội cho họ đề xuất ý kiến:

- Trường hợp việc xử lý hoặc sử dụng hàng hóa có liên quan bị hạn chế, trừ các trường hợp, chẳng hạn như trường hợp hạn chế mà cơ quan Hải quan cho là không ảnh hưởng thực tế đến giá giao dịch;
- Trường hợp việc thực hiện giao dịch hoặc việc xác định giá của hàng hóa liên quan bị ảnh hưởng bởi các điều kiện hoặc hoàn cảnh không thể tính bằng tiền;
- Trường hợp một số khoản tiền thu được từ việc bán lại, thanh lý hoặc sử dụng hàng hóa liên quan sau khi nhập khẩu hàng hóa đó được thanh toán trực tiếp hoặc gián tiếp cho một nhà cung cấp ngoại trừ trường hợp điều này sẽ không áp dụng khi có thể điều chỉnh thích hợp;
- Trường hợp mối quan hệ đặc biệt giữa người bán và người bán ảnh hưởng đến việc xác định giá của hàng hóa có liên quan, ngoại trừ các trường hợp, chẳng hạn như trường hợp nó được xác định theo cách thức phù hợp với thông lệ định giá thông thường trong lĩnh vực công nghiệp liên quan.

Thủ trưởng cơ quan Hải quan có quyền yêu cầu người nộp thuế cung cấp số liệu chứng minh trị giá tính thuế khai báo liên quan là đúng. Thủ trưởng cơ quan Hải quan có trách nhiệm

đạt được sự hợp tác thích hợp, chẳng hạn như trao đổi thông tin, với người chịu trách nhiệm nộp thuế để xác định trị giá tính thuế càng sớm càng tốt và thông báo cho người có liên quan chịu trách nhiệm nộp thuế về lý do tại sao việc công nhận trị giá đã kê khai là không thực tế giá trị tính thuế cùng với giá trị tính thuế đã xác định.

10.2 Phương pháp thứ hai

Trường hợp không áp dụng được phương pháp thứ nhất thì áp dụng phương pháp thứ hai để xác định trị giá tính thuế của hàng hóa trên cơ sở giá giao dịch của hàng hóa cùng loại, có chất lượng đã được xác định trị giá tính thuế trước đó và đáp ứng yêu cầu nhất định.

10.3 Phương pháp thứ ba

Trường hợp không áp dụng được phương pháp thứ nhất và phương pháp thứ hai thì phương pháp thứ ba được sử dụng để xác định trị giá tính thuế của hàng hóa dựa trên giá giao dịch của hàng hóa tương tự mà trước đó đã được coi là trị giá tính thuế và đáp ứng các yêu cầu nhất định.

10.4 Phương pháp thứ tư

Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp thứ nhất, thứ hai và thứ ba thì giá bán trong nước sau khi thông quan nhập khẩu trừ đi một số chi phí, v.v. được xác định là trị giá tính thuế của hàng hóa liên quan.

10.5 Phương pháp thứ năm

Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp thứ nhất đến phương pháp thứ tư, trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu được xác định dựa trên giá thu được bằng cách tính chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất hàng hoá đó dựa trên báo cáo giá thành sản phẩm do nhà sản xuất trình bày. của nước xuất khẩu.

10.6 Phương pháp thứ sáu

Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp thứ nhất đến phương pháp thứ năm, trị giá tính thuế của hàng hóa được xác định dựa trên các tiêu chuẩn hợp lý phù hợp với các nguyên tắc của phương pháp thứ nhất đến phương pháp thứ năm.



Các phương pháp trên phải được áp dụng tuần tự bắt đầu từ phương pháp đầu tiên và bất kỳ phương pháp đánh giá nào có mức độ ưu tiên thấp hơn chỉ có thể được áp dụng khi không thể áp dụng giá trị tính thuế được xác định theo phương pháp có mức độ ưu tiên cao hơn. Tuy nhiên, phương thức thứ năm có thể được áp dụng trước phương thức thứ tư trong trường hợp người chịu trách nhiệm nộp thuế có yêu cầu.

10.7 . Từ chối giá trị

- Trường hợp trị giá tính thuế do đối tượng nộp thuế kê khai khác cơ bản với trị giá tính thuế của hàng hóa cùng chủng loại, chất lượng hoặc hàng hóa tương tự;
- Trường hợp trị giá tính thuế do đối tượng nộp thuế kê khai có biến động cơ bản mặc dù người đó tiếp tục nhập hàng từ cùng nhà cung cấp;
- Trường hợp hàng hóa khai báo là dầu thô, khoáng sản, ngũ cốc ... mà giá công bố trên thị trường quốc tế và trị giá khai báo khác cơ bản với giá thị trường quốc tế đã công bố;
- Trường hợp có sự chênh lệch đáng kể giữa trị giá đã kê khai trước đó và trị giá mới kê khai sau khi người có liên quan chịu trách nhiệm nộp thuế thay đổi khách hàng của mình;
- Trường hợp người nộp thuế không nộp đủ số liệu liên quan hoặc trường hợp khó xác định trị giá khai báo là trị giá tính thuế thì lãnh đạo cơ quan Hải quan có liên quan không áp dụng phương pháp thứ nhất mà xác định theo phương pháp tính thuế. giá trị bằng một trong các phương pháp thứ hai đến thứ sáu.

11. QUY TẮC XUẤT XỨ

Nói chung, quốc gia xuất xứ là quốc gia hoặc khu vực nơi sản xuất, chế biến hoặc sản xuất tất cả các hàng hóa liên quan; khi hàng hóa liên quan được sản xuất, chế biến hoặc sản xuất tại ít nhất hai quốc gia, một quốc gia nơi thực tế thực hiện quá trình sản xuất, chế biến và sản xuất hàng hóa liên quan trong phạm vi hàng hóa đó có đầy đủ các đặc tính thiết yếu của chúng. Theo Luật Ngoại thương của Hàn Quốc, hầu hết các thay đổi đều dựa trên các tiêu chuẩn thay đổi của HS, và một số hạng mục quy trình hoặc tiêu chuẩn giá trị gia tăng có thể được áp dụng.

Hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc bắt buộc phải mang nhãn quốc gia xuất xứ theo quy định.

Nếu vi phạm không đáng kể, hàng hóa được đề cập có thể được phép làm thủ tục thông quan sau khi đã bổ sung hoặc sửa chữa vi phạm không đáng kể đó.

Tại Hàn Quốc, các tiêu chí để xác định quốc gia xuất xứ bao gồm Quy tắc xuất xứ ưu đãi, mang lại lợi ích về thuế quan so với hàng hóa Hải quan ở các quốc gia khác. Nó là một hệ thống nhị phân xác định Quy tắc xuất xứ không ưu đãi đề cập đến các mục đích khác với mục đích áp dụng thuế quan ưu đãi, chẳng hạn như mục đích chỉ ra nước xuất xứ để bảo vệ người tiêu dùng và loại trừ thuế chống bán phá giá.

11.1 Tiêu chí xác định

A. Tiêu chí Sản xuất Toàn diện

Khi một sản phẩm được mua lại, sản xuất, nuôi hoặc nhân giống hoàn toàn ở một quốc gia, hệ thống này sẽ công nhận quốc gia xuất xứ.

B. Tiêu chí Chuyển đổi Đáng kể

Nếu hàng hóa được sản xuất tại nhiều quốc gia thì đây là tiêu chí để nhận biết quốc gia xuất xứ nơi đã thực hiện các quy trình quan trọng hơn.

Việc đánh giá cụ thể về sự thay đổi cơ bản chủ yếu dựa trên việc thay đổi mã HS, nhưng đối với hàng hóa được xác định theo tiêu chí giá trị gia tăng hoặc tiêu chí gia công thì nước xuất xứ được xác định bằng cách áp dụng các tiêu chí đó. Tuy nhiên, một quốc gia mới chỉ thực hiện các quy trình đơn giản như đóng gói, dán nhãn, cắt, lắp ráp và sàng lọc để vận chuyển, bảo quản thì không được công nhận xuất xứ.

c. Tiêu chí giá trị gia tăng (hoặc Tỷ lệ giá trị của các bộ phận)

Nó công nhận quốc gia xuất xứ ở quốc gia chiếm giá trị gia tăng trên một tỷ lệ nhất định sau khi tính tỷ lệ giá (tỷ lệ giá trị gia tăng) của nguyên liệu và linh kiện trong hàng hóa. Luật Ngoại thương quy định xuất xứ cho các quốc gia sản xuất trên 35% tỷ lệ giá trị gia tăng.

D. Tiêu chí Xử lý

Sử dụng tiêu chí này, nước xuất xứ là nước chế biến hàng dệt may, gia súc và thịt quan trọng (như quần áo, khăn tắm, tất và cà vạt).

Vui lòng truy cập trang web để biết thêm chi tiết.

11.2 . Giấy chứng nhận xuất xứ

11.2.1 Các loại giấy chứng nhận xuất xứ

A. Giấy chứng nhận xuất xứ của Mẫu (Mẫu A)

Giấy chứng nhận được cấp khi được chứng minh là phù hợp với tiêu chuẩn xuất xứ của quốc gia dành ưu đãi thuế quan cho một số hàng hóa được sản xuất tại một quốc gia cụ thể, phù hợp với GSP hoặc thỏa thuận của quốc gia tài trợ ưu đãi. Được cấp bởi cơ quan có quyền cấp chứng chỉ ưu đãi, chẳng hạn như cơ quan quốc gia và các biểu tượng chứng minh rằng chúng phù hợp với các tiêu chuẩn xuất xứ, chẳng hạn như các thỏa thuận (A, B, c, D, v.v.), mặc dù các hình thức khác nhau phần nào tùy theo từng thỏa thuận. Và giá trị gia tăng (%) được liệt kê.

B. Giấy chứng nhận xuất xứ chung

Thường được sử dụng cho các mục đích khác ngoài việc áp dụng thuế quan ưu đãi, chẳng hạn như ghi nhãn xuất xứ, do Phòng Thương mại và Công nghiệp cấp, hình dạng, tính chất, dạng hoặc công dụng của các sản phẩm tự nhiên hoặc nguyên liệu thô được sử dụng trong quá trình sản xuất của một quốc gia cụ thể là vĩnh viễn ở bất kỳ quốc gia cụ thể nào. Trong trường hợp có sự thay đổi đáng kể, giấy chứng nhận sẽ được cấp để công nhận rằng hàng hóa là hàng nội địa.

C. Giấy chứng nhận xuất xứ / chế biến

Chứng chỉ này được cấp khi quá trình sản xuất được thực hiện ở một quốc gia cụ thể không đủ và không thể thực hiện được ở quốc gia đó, có nghĩa là nó đã được gia công tại quốc gia đó.

D. Giấy chứng nhận xuất xứ / tái xuất

Đây là chứng chỉ được cấp khi hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác được tái xuất mà không qua quá trình xử lý riêng biệt.

11.2.2 Sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ

Giấy chứng nhận xuất xứ phải được nộp theo các trường hợp sau:

- Thứ nhất, bất kỳ ai có ý định nhận các mức thuế ràng buộc tuân theo các quy định pháp luật hoặc thỏa thuận phải nộp Giấy chứng nhận xuất xứ cho các trường hợp ưu đãi.
- Thứ hai, đối với các mặt hàng thuộc khoản sau phải nộp Giấy chứng nhận xuất xứ chung.

12. QUY TẮC NÂNG CAO HẢI QUAN

12.1 Phân loại Biểu thuế

Người có ý định nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa, nhà sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nhà môi giới hải quan được cấp phép, công ty môi giới hải quan hoặc công ty làm thủ tục thông quan có thể nộp đơn yêu cầu kiểm tra trước phân loại thuế quan trước khi nộp đơn một tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Khi nhận được đơn yêu cầu kiểm tra, Ủy viên của KCS sẽ kiểm tra mã số hàng hóa và thông báo cho người nộp đơn về kết quả của nó. Nếu không thể thực hiện được việc kiểm tra phân loại thuế quan như vậy do tài liệu xuất trình không đầy đủ, v.v., thì người nộp đơn phải thông báo về thực tế đó.

KCS phải thông báo công khai hoặc công bố mã số áp dụng đối với hàng hóa được kiểm tra mã số và hàng hóa được sửa đổi mã số áp dụng. Cơ quan Hải quan có thể quyết định không công bố hoặc công bố mã số thuế áp dụng cho hàng hóa liên quan nếu xét thấy không phù hợp để thông báo công khai hoặc công bố mã số thuế quan vì lý do hàng hóa đó chứa đựng bí mật kinh doanh của người nộp đơn.

12.1.1 Kiểm tra trước các phương pháp xác định giá trị tính thuế

Người có ý định nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa, nhà sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nhà môi giới hải quan được cấp phép, công ty môi giới hải quan hoặc công ty làm thủ tục thông quan có thể đăng ký kiểm tra trước trước khi nộp báo cáo trị giá.

Khi nhận được yêu cầu bằng văn bản, cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra phương pháp xác định trị giá tính thuế và thông báo kết quả cho người nộp đơn trong thời hạn.

12.1.2 Thỏa thuận định giá trước

Một người nộp đơn đăng ký thỏa thuận giá trước vì thắc mắc của họ về vấn đề này có thể đồng thời nộp đơn xin chấp thuận trước phương pháp tính giá theo chiều dài cánh tay được quy định trong Đạo luật Điều chỉnh Thuế Quốc tế. Trong những trường hợp như vậy, Cơ quan Hải quan sẽ thu xếp trước trị giá tính thuế của thuế Hải quan và giá cước cho thuế quốc gia với sự tham vấn của Cục thuế quốc gia.

13. HIỆP ĐỊNH TỰ DO THƯƠNG MẠI

Theo truyền thống, Hàn Quốc ưu tiên đàm phán thương mại đa phương theo hệ thống WTO. Tuy nhiên, với sự gia tăng của các FTA khu vực, Hàn Quốc đã phát triển nhanh chóng trong lĩnh vực này và đạt được những kết quả đáng kể.

Bảng 4 Hiệp trạng của các FTA

Phân loại	Các quốc gia đã ký kết hoặc dự kiến ký kết FTA với Hàn Quốc	Tình hình tiến độ
FTA có hiệu lực (15 FTA, 52 quốc gia)	Chile	Có hiệu lực (tháng 4 năm 1.2004)
	Singapore	Có hiệu lực (ngày 2 tháng 3 năm 2006)
	EFTA (4)	Có hiệu lực (tháng 9 năm 1.2006)
	ASEAN (10)	Có hiệu lực (ngày 1 tháng 6 năm 2007)
	Ấn Độ	Có hiệu lực (ngày 1 tháng 1 năm 2010)
	EU (28)	Có hiệu lực (ngày 1 tháng 7 năm 2011)
	Peru	Có hiệu lực (ngày 1 tháng 8 năm 2011)
	Hoa Kỳ	Có hiệu lực (ngày 15 tháng 3 năm 2012)
	Turkey	Có hiệu lực (ngày 1 tháng 5 năm 2013)
	Châu Úc	Có hiệu lực (ngày 12 tháng 12 năm 2014)
	Canada	Có hiệu lực (ngày 1 tháng 1 năm 2015)
	Trung Quốc	Có hiệu lực (ngày 20 tháng 12 năm 2015)
	New Zealand	Có hiệu lực (ngày 20 tháng 12 năm 2015)
	Việt Nam	Có hiệu lực (ngày 20 tháng 12 năm 2015)
Colombia	Có hiệu lực (ngày 15 tháng 7 năm 2016)	
Đã đạt được thỏa thuận (1 FTA, 6 nước)	Trung Mỹ (6)	Tuyên bố về một thỏa thuận quan trọng đã đạt được (ngày 16 tháng 11 năm 2016)
Đang đàm phán	Hàn Quốc - Trung Quốc - Nhật Bản	Đàm phán cấp làm việc lần thứ 10 (tháng 4 năm 2016)
	* RCEP	Lần đàm phán thứ 17 (tháng 2 năm 2017)
	Ecuador	Lần đàm phán thứ 5 (tháng 11 năm 2016)
	Người israel	Thương lượng lần 2 (tháng 12 năm 2016)
	Tạo điều kiện để tiếp tục đàm phán	Indonesia
	Nhật Bản	Lần đàm phán thứ 6 (tháng 11 năm 2004)
	Mexico	Đàm phán lần 2 (tháng 6 năm 2008)
	* GCC	Đàm phán lần thứ 3 (tháng 7 năm 2009)

* RCEP (Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực): 10 quốc gia bao gồm ASEAN, Cộng hòa Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, New Zealand và Úc

* Trung Mỹ: 6 quốc gia bao gồm Panama, Costa Rica, Guatemala, Honduras, El Salvador và Nicaragua

* GCC (Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh): Ả Rập Saudi, Kuwait, UAE, Bahrain, Oman và Qatar

Nguồn: Trang web KCS.

XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX^XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX^

14. HỆ THỐNG TRÁI PHIẾU

14.1 . Vùng ngoại quan

Khu ngoại quan là nơi do Hải quan chỉ định hoặc cấp phép vì sự cần thiết của việc quản lý hàng hóa và quản lý Hải quan hiệu quả. Là nơi lưu giữ hàng hóa nước ngoài xuất khẩu, nhập khẩu, trả lại để làm thủ tục hải quan; sản xuất, gia công hoặc các công việc tương tự khác có sử dụng hàng hóa nước ngoài hoặc hàng hóa trong nước và nước ngoài làm nguyên liệu; triển lãm hàng ngoại; công trình xây dựng sử dụng hàng ngoại; bán hàng ngoại; kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, v.v.

Các loại khu vực ngoại quan

Các loại khu vực ngoại quan

Khu ngoại quan được phân thành khu ngoại quan chỉ định, khu ngoại quan được cấp phép và khu ngoại quan chung. Các khu vực ngoại quan được chỉ định tiếp tục được phân loại thành nơi lưu giữ được chỉ định và nơi kiểm tra Hải quan; khu vực ngoại quan được cấp phép được phân thành kho ngoại quan, nhà máy ngoại quan, triển lãm ngoại quan, công trường xây dựng ngoại quan và kho ngoại quan.

Để đảm bảo việc phân phối thông suốt và thông quan nhanh chóng hàng hóa ngoại quan cho chủ sở hữu, một thời hạn lưu giữ hàng hóa được thiết lập và vận hành trong khu vực ngoại quan. Để đảm bảo các yêu cầu về nghĩa vụ, duy trì trật tự, v.v. trong khu vực ngoại quan, người quản lý hàng hóa chịu trách nhiệm lưu giữ hàng hóa trong khu vực ngoại quan được chỉ định và người điều hành có trách nhiệm giữ hàng hóa trong khu vực ngoại quan được cấp phép.

Khi vận chuyển hàng hóa vào hoặc ra khỏi khu vực ngoại quan, nếu người quản lý hoặc người điều hành hàng hóa của họ định khai báo lô hàng hoặc thực hiện công việc ngoại quan, người đó phải thực hiện các thủ tục Hải quan theo quy định, bao gồm cả việc được cơ quan Hải quan cho phép.

Ngoài ra, trong trường hợp khu vực ngoại quan được công nhận là không có bất kỳ cản trở nào đối với việc giám sát Hải quan và kiểm soát hàng hóa, các hạn chế trực tiếp của Hải quan được nới lỏng, do đó có thể thực hiện các nhiệm vụ quản lý hải quan một cách hiệu quả và duy trì trật tự, bằng cách thực hiện tự -hệ thống khu vực ngoại quan được quản lý giao việc quản lý hàng hóa cho người điều hành hoặc người quản lý hàng hóa để họ có thể tự quản lý hàng hóa.

Khu vực ngoại quan tự quản bằng mọi cách phải sử dụng người trông coi hàng hóa ngoại quan là người quản lý hàng hóa chuyên nghiệp chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa lưu giữ trong khu vực ngoại quan.

Người chăm sóc hàng hóa ngoại quan thực hiện các nhiệm vụ như giám sát và xác nhận hàng hóa ngoại quan và hàng hóa nội địa được vận chuyển vào hoặc ra khỏi khu vực ngoại quan, v.v. Để đủ tiêu chuẩn làm nhân viên quản lý hàng ngoại quan, phải là người đã từng là công chức quản lý hải quan từ 5 năm trở lên hoặc người đã qua kiểm tra năng lực quản lý hàng ngoại quan. Bất kỳ người nào vượt qua bài kiểm tra sẽ được cấp chứng chỉ người chăm sóc hàng hóa ngoại quan.

Kỳ thi kiểm tra năng lực nhân viên quản lý hàng hóa ngoại quan bao gồm 5 nội dung: thủ tục thông quan xuất nhập khẩu, quản lý khu vực ngoại quan, quản lý hàng ngoại quan, quản lý tự quản và các quy định xử phạt hải quan, quản lý an ninh xuất nhập khẩu.

Bảng 5 Phân loại các khu vực ngoại quan

Phân loại	Mô tả	Kiểu	Mục đích thành lập	Đặc tính
Được chỉ định	Chỉ định bất kỳ khu đất, tòa nhà hoặc các cơ sở khác thuộc sở hữu hoặc quản lý của nhà nước, chính quyền địa phương hoặc một tập đoàn chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở sân bay (bến cảng) làm khu vực ngoại quan Người chỉ định: là Cục trưởng Cục Hải quan	- Đã chỉ định Kho lưu trữ Địa điểm - Kiểm tra Hải quan tận nơi	- Sự thuận tiện của thủ tục hải quan, Bảo quản tạm thời, Kiểm tra và - Vì Mục đích của Hành chính Công	Bị động
Được cấp phép	- Xin giấy phép thành lập và điều hành khu vực được cấp phép ngoại quan trên bất kỳ khu đất nào hoặc thuộc sở hữu tư nhân Tòa nhà - Người cấp phép: là Thủ trưởng Cục Hải quan	- Kho ngoại quan - Nhà máy ngoại quan - Công trường ngoại quan - Triển lãm ngoại quan Odessa the Place - Cửa hàng ngoại quan	- Bảo quản, Sản xuất, triển lãm Odessa, Xây dựng và BÁN - Theo đuổi lợi nhuận cá nhân	Chủ động
Chung	- Chỉ định khu vực ngoại quan chung giữa các khu vực cụ thể - Người cấp phép: Là Ủy viên Cục Hải quan Hàn Quốc	- Khu ngoại quan chung	- Xuất khẩu và xúc tiến Logistics - Lợi nhuận Tư nhân và Công cộng (hài hòa thông qua xúc tiến đầu tư, v.v.)	Chủ động

14.2 Vận chuyển ngoại quan

Vận tải ngoại quan là vận chuyển hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu ngoại quan khác dưới dạng nguyên dạng của hàng hóa nước ngoài sau khi khai báo hoặc được sự chấp thuận của cơ quan Hải quan có liên quan mà không thông qua Hải quan cửa khẩu nhập. Việc vận chuyển ngoại quan như vậy đi kèm với những ràng buộc vì hàng hóa được vận chuyển với điều kiện hoãn nộp thuế Hải quan.

Ví dụ, một chủ hàng có nhà máy ở Seoul có hai phương pháp để thông quan hàng hóa đã đến Busan thông qua Hải quan. Một là vận chuyển hàng hóa đó đến Seoul sau khi thông quan qua Hải quan Busan, và phương thức khác là khai báo vận chuyển ngoại quan hoặc xin phê duyệt, thực hiện vận chuyển ngoại quan từ Busan đến Seoul, sau đó thông quan hàng hóa qua Hải quan.

Bảng 6 Tuyên bố và Phê duyệt Vận chuyển Ngoại quan

Người khai / người xin phê duyệt vận chuyển ngoại quan	Chủ hàng hóa, một nhà môi giới Hải quan được cấp phép, một nhà điều hành vận tải ngoại quan
Khai báo về vận chuyển ngoại quan (về nguyên tắc)	Người nào có ý định vận chuyển ngoại quan thì phải khai báo.
Phê duyệt vận chuyển ngoại quan	<p>Sự chấp thuận sẽ được thực hiện trong bất kỳ trường hợp nào sau đây khi sự chấp thuận đó được coi là cần thiết để giám sát hàng hóa, v.v.: Với điều kiện là đối với hàng hóa mà việc vận chuyển ngoại quan không được coi là trở ngại đối với việc kiểm soát hàng hóa và ngăn chặn xuất khẩu bất hợp pháp và nhập khẩu ngay cả khi chúng không được phê duyệt, trong số những hàng hoá được mô tả dưới đây, những hàng hoá đó có thể được vận chuyển theo phương thức ngoại quan khi có báo cáo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Hàng hóa dự định vận chuyển lại theo phương thức ngoại quan vào khu vực ngoại quan khác giữa các hàng hóa được vận chuyển theo phương thức ngoại quan 2) Hàng hóa phải kiểm dịch theo quy định trong Đạo luật Kiểm dịch, Đạo luật Bảo vệ Thực vật và Đạo luật Phòng chống Dịch bệnh Gia súc 3) Các chất nguy hiểm được quy định trong Đạo luật kiểm soát an toàn các chất nguy hiểm và các hóa chất độc hại được quy định trong Đạo luật kiểm soát các chất độc hại 4) Các nguyên tố phi kim loại 5) Hàng hóa đã qua 30 ngày kể từ ngày được vận chuyển vào khu vực ngoại quan lần đầu tiên sau khi đến Hàn Quốc 6) Hàng hóa bị giữ lại thủ tục hải quan hoặc không chấp nhận tờ khai nhập khẩu 7) Hàng hóa đang được vận chuyển vào khu vực phi ngoại quan sau khi được chấp thuận lưu giữ tại đó theo Điều 156 của Luật Hải quan 8) Hàng hóa không công kênh và có giá cao như đá quý, đá bán hiếm, kim loại quý, thuốc đông y, thuốc chữa bệnh và nước hoa, v.v. 9) Hàng hóa do chủ sở hữu hoặc người đứng tên hàng hóa trực tiếp vận chuyển theo phương thức ngoại quan 10) Hàng hóa có địa điểm làm thủ tục hải quan bị giới hạn theo Điều 236 của Luật Hải quan 11) Hàng hoá vận chuyển ngoại quan chia nhỏ hàng hoá trên cơ sở Vận đơn của cùng một chủ hàng trên Bản lược khai hàng hoá 12) Hàng hóa do thủ trưởng cơ quan hải quan chỉ định nhằm mục đích ngăn chặn xuất khẩu, nhập khẩu trái phép 13) Hàng hóa do người kinh doanh vận tải ngoại quan vận chuyển đang bị điều tra hoặc đang chờ phán quyết cuối cùng sau khi bị buộc tội vi phạm Đạo luật hoặc bất kỳ lệnh nào do Thủ trưởng cơ quan Hải quan đưa ra theo luật

Nguồn: Trang web KCS.

Khai báo mang theo

Việc đưa hàng hóa đó qua vận chuyển ngoại quan rồi thông quan như trường hợp nêu trên mang lại một số tiện lợi cho chủ hàng, tuy nhiên chủ hàng cần phải khai báo hàng hóa vận chuyển ngoại quan (an đơn xin chấp thuận) với cơ quan Hải quan liên quan, thực hiện việc vận chuyển ngoại quan, chuyển hàng vào khu vực ngoại quan, v.v. của Cơ quan Hải quan phụ trách nơi đến, sau đó nộp báo cáo hàng đến.

Khai báo vận chuyển ngoại quan

Về nguyên tắc, tờ khai vận chuyển ngoại quan hoặc đơn xin chấp thuận phải được nộp sau khi nộp bản kê khai hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa được vận chuyển đến nơi dỡ hàng, nhưng nó có thể được nộp ngay cả trước khi tàu thuyền hoặc máy bay đến cảng (sân bay).

Về nguyên tắc, tất cả hàng hóa nước ngoài chỉ có thể được vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển ngoại quan tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, thủ tục vận chuyển ngoại quan không bắt buộc đối với trường hợp hàng hóa được vận chuyển dưới sự kiểm soát của bưu cục theo Luật Bưu chính, hàng hóa thuộc diện kiểm dịch được vận chuyển đến cơ sở neo đậu hoặc kiểm dịch của trạm kiểm dịch. sau khi được tiếp nhận bởi văn phòng dịch vụ kiểm dịch theo Luật Kiểm dịch và hàng hóa bị thu giữ được vận chuyển bởi một cơ quan quốc gia.

Phương tiện vận chuyển ngoại quan

Người kinh doanh vận tải ngoại quan có ý định thực hiện việc vận chuyển ngoại quan hàng hóa nhập khẩu có thể sử dụng phương tiện vận tải của mình hoặc phương tiện vận tải ngoại quan của người kinh doanh vận tải ngoại quan khác. Bất kỳ chủ hàng nào cũng có thể sử dụng không chỉ phương tiện của mình mà còn có thể sử dụng bất kỳ phương tiện vận tải nào khác mà không bị giới hạn nếu họ trực tiếp thực hiện việc vận chuyển ngoại quan hàng hóa của mình. Trong trường hợp này, chủ hàng có thể thực hiện việc vận chuyển ngoại quan đến khu vực ngoại quan của điểm đến do mình chịu trách nhiệm sau khi đã đề nghị mức độ an ninh tương đương với các nghĩa vụ Hải quan liên quan.

Vận tải ngoại quan được đơn giản hóa

Cơ quan Hải quan có thể thực hiện bất kỳ biện pháp nào sau đây bằng cách chỉ định một tổ chức kinh doanh vận tải ngoại quan hoặc hàng hóa, xem xét tính chất và hình thức của hàng hóa được vận chuyển ngoại quan và xếp hạng tín nhiệm, v.v. của doanh nghiệp kinh doanh vận tải ngoại quan; đơn giản hóa các thủ tục để nộp bất kỳ báo cáo nào, bỏ qua các cuộc kiểm tra và miễn cung cấp bảo mật.

14.3 Xử lý ngoại quan

Trong bất kỳ nhà máy ngoại quan nào, công việc sản xuất, gia công hoặc các công việc tương tự có thể được thực hiện bằng cách sử dụng hàng hóa nước ngoài làm nguyên liệu hoặc vật liệu, hoặc sử dụng hàng hóa nước ngoài và hàng hóa trong nước làm nguyên liệu hoặc vật liệu. Không được phép thực hiện các công việc sản xuất, gia công và các công việc tương tự chỉ sử dụng hàng nội địa làm nguyên liệu hoặc vật liệu tại bất kỳ nhà máy ngoại quan nào mà không được chấp thuận.

Các loại hình kinh doanh của xí nghiệp ngoại quan trong đó hàng hoá nhập khẩu được sản xuất, gia công giữa các xí nghiệp ngoại quan có thể bị hạn chế. Cơ quan Hải quan có thể cho phép một tờ khai nhập khẩu hàng hóa được sử dụng trong nhà máy ngoại quan sau khi đã làm thủ tục hải quan để nộp sau khi hàng hóa được vận chuyển vào nhà máy ngoại quan.

Người điều hành phải lập báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa đưa vào xưởng ngoại quan của mình trước khi hàng hóa được sử dụng. Trong trường hợp đó, công chức Hải quan có thể kiểm tra hàng hóa đó. Đối với hàng hóa nước ngoài, việc sử dụng hàng hóa đó sẽ được xác định và thông báo công khai là hàng hóa cần đáp ứng các yêu cầu về sự cho phép, phê duyệt, nhãn mác và các yêu cầu khác theo bất kỳ luật nào khác và các quy định dưới luật, chẳng hạn như ma túy và súng, việc thực hiện các yêu cầu đó phải được xác minh.

Khi xét thấy cần thiết để phát triển thương mại chế biến hoặc công nghiệp nội địa, Hải quan có thể cho phép tiến hành công việc bên ngoài xưởng ngoại quan có liên quan bằng cách xác định thời hạn, địa điểm, hàng hóa, v.v. Nhân viên Hải quan có thể kiểm tra hàng hóa liên quan khi chúng được vận chuyển ra khỏi nhà máy ngoại quan. Hàng hóa nước ngoài được vận chuyển vào một địa điểm chỉ định với sự cho phép sẽ được coi là tồn tại trong nhà máy ngoại quan cho đến khi hết thời hạn quy định.

Hải quan có thể cho phép vận chuyển hàng hóa được sử dụng cho công việc ngoại quan trực tiếp đến nơi làm việc, không phải là nhà máy ngoại quan. Trường hợp hàng hóa nước ngoài hoặc hàng hóa khác được sản xuất bằng hàng hóa nước ngoài đó vẫn còn tại nơi làm việc, không phải là xưởng ngoại quan sau khi hết thời hạn quy định, thuế hải quan đối với hàng hóa đó phải được thu ngay từ người điều hành xưởng ngoại quan đã được cấp phép cho các hàng hóa có liên quan.

Trường hợp công việc được thực hiện có sử dụng hàng hóa nước ngoài hoặc sử dụng hàng hóa nước ngoài và hàng hóa trong nước làm nguyên liệu, vật liệu, thì bất kỳ hàng hóa nào từ đó được coi là hàng hóa từ nước ngoài đến Hàn Quốc. Bất kỳ hàng hóa nào tương ứng với số lượng và giá cả của hàng hóa nước ngoài trong số hàng hóa đó sẽ được coi là hàng hóa từ nước ngoài đến Hàn Quốc.

Khi nhập khẩu bất kỳ hàng hoá nào được sản xuất tại nhà máy ngoại quan và đã có đơn đề nghị đánh thuế đối với hàng hoá nước ngoài là nguyên liệu của hàng hoá có liên quan trước khi báo cáo tình hình sử dụng thì thuế hải quan sẽ được áp dụng theo tính chất và số lượng nguyên vật liệu tại thời điểm nộp báo cáo sử dụng. Cơ quan Hải quan có thể cho phép xưởng ngoại quan đáp ứng các tiêu chuẩn nộp đơn đăng ký theo nguyên liệu hoặc hàng hóa, hoặc cho toàn bộ xưởng ngoại quan trong vòng một năm.

15. KHU VỰC KINH TẾ TỰ DO VÀ KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO

15.1 Khu vực kinh tế tự do

Chính phủ Hàn Quốc đã thông qua "Luật đặc biệt về Chỉ định và Quản lý các khu kinh tế tự do" trong tháng 12 năm 2002 nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thân thiện hơn bằng cách nâng cấp hệ thống công nghiệp và kinh tế của đất nước lên một tầm đẳng cấp thế giới và loại bỏ các quy định không cần thiết. Chính phủ kể từ đó đã dẫn đầu việc mở rộng các khu kinh tế tự do trên toàn quốc bằng cách chỉ định Incheon (2003), Busan- Jinhae, Khu vực Vịnh Gwangyang (2003), Hoàng Hải, Saemangeum-Gunsan, Daegu / Gyeongbuk (2008), Bờ Đông và Chungbuk (2013) là các khu kinh tế tự do.

Các khu kinh tế tự do đảm bảo các hoạt động doanh nghiệp tự do hơn và mở rộng hơn thông qua nhiều lợi ích về thuế cũng như các quy định nới lỏng, môi trường sống thuận lợi và các dịch vụ hành chính nhanh chóng.

Lợi ích về thuế

Đối với doanh nghiệp sản xuất (đầu tư 10 triệu USD trở lên), doanh nghiệp hậu cần (đầu tư 5 triệu USD trở lên), công ty du lịch (đầu tư 10 triệu USD trở lên), nhà phát triển dự án (đầu tư 50 triệu USD trở lên) và các tổ chức y tế (đầu tư 5 triệu USD trở lên), thuế thu nhập và thuế doanh nghiệp được miễn trong ba năm kể từ ngày có doanh thu hoạt động và giảm 50% trong hai năm sau đó.

Thuế nhập khẩu hàng hóa được miễn và các loại thuế địa phương như thuế mua lại và thuế trước bạ được miễn trong ba năm đầu và giảm 50% trong hai năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm có thể kéo dài đến 15 năm và số tiền giảm cũng có thể được tăng lên theo quy định của chính quyền địa phương.



Hỗ trợ tài chính

Chính phủ chi trả tới 50% chi phí xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng (ví dụ như đường tỉnh, đường dẫn tiện ích) trong các khu kinh tế tự do. Trong trường hợp các trường đại học và cơ sở nghiên cứu được thành lập để thu hút các cơ sở giáo dục và nghiên cứu nước ngoài, chính phủ trung ương hỗ trợ tài chính cho chính quyền địa phương thông qua một chương trình quỹ phù hợp trong thời gian chuẩn bị và trong tối đa 5 năm sau khi hoàn thành để trang trải chi phí thuê, chi phí lắp đặt, chi phí nhân công, chi phí đi lại và định cư cho người nước ngoài, và chi phí vận hành.

Vui lòng truy cập trang web của MOTIE để biết thêm các ấn phẩm và trang web chính thức của các khu kinh tế tự do sau:

- Khu kinh tế tự do Hàn Quốc
- Khu kinh tế tự do Incheon
- Khu kinh tế tự do Busan-Jinhae
- Khu kinh tế tự do khu vực vịnh Gwangyang
- Khu kinh tế tự do biển Yeallow
- Khu kinh tế tự do Daegul-Gyeongbuk
- Khu kinh tế tự do Chungbuk
- Khu kinh tế tự do Bờ Đông

15.2 Khu vực thương mại tự do

Các Khu Thương mại Tự do (FTZ) đề cập đến các khu vực địa phương được chỉ định để thúc đẩy thương mại, hậu cần toàn cầu và phát triển khu vực. Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ sản xuất, hậu cần, phân phối, và các hoạt động thương mại trong vòng FTZs bằng cách sử dụng các biện pháp khác nhau như miễn thuế, giảm thuế. Có 13 FTZ ở Hàn Quốc, bao gồm bảy khu liên hợp công nghiệp, năm cảng biển và một sân bay.

FTZ kiểu khu liên hợp công nghiệp

- Masan;
- Gunsan;
- Daebul;
- Donghae;
- Yulchon;
- Ulsan;
- Gimjae.

FTZ kiểu khu liên hợp công nghiệp (cảng biển và sân bay)

- Cảng Busan;
- Cảng Gwangyang;
- Cảng Incheon;
- Cảng Pohang;
- Cảng Pyeongtaek-Dangjin;
- Sân bay quốc tế Incheon.

Ưu đãi

- **Miễn thuế**
Hàng hóa nước ngoài đưa vào FTZ được miễn thuế và thuế quan được áp dụng khi chúng rời FTZ. Không tính thuế GTGT đối với hàng hóa và dịch vụ nước ngoài trao đổi giữa các bên thuê hoặc đối với nguyên liệu thô để xuất khẩu.
- **Nợ thuế**
Giá thuê khoảng 1% giá đất (so với 2,5% do Luật Bất động sản của tiểu bang quy định) và các công ty có vốn đầu tư nước ngoài đủ điều kiện cũng được cho thuê miễn phí.
- **Giảm thuế cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**
Các ngành công nghiệp đủ điều kiện được giảm thuế quốc gia và thuế địa phương trong tối đa 7 năm và 15 năm tương ứng, phù hợp với quy mô đầu tư.

- Cơ sở quy định

Người thuê không có nghĩa vụ phải tuyển dụng những người có hoàn cảnh khó khăn về thể chất, “người có công với đất nước” và những người cao tuổi. Họ cũng được quyền gia hạn hợp đồng thuê (50 năm 100 năm) và được miễn phí kích động giao thông.

Vui lòng truy cập [trang web](#) để xem tài liệu quảng cáo của FTZs và một số trang web chính thức sau đây của FTZs:

- [Khu thương mại tự do Masan](#)
- [Khu thương mại tự do Gunsan](#)
- [Khu thương mại tự do Daebul](#)
- [Khu thương mại tự do Donghae](#)
- [Khu thương mại tự do Yulchon](#)
- [Khu thương mại tự do Ulsan](#)
- [Khu thương mại tự do Gimje](#)

16. KIỂM SOÁT SAU THANH TOÁN HẢI QUAN

Vào tháng 7 năm 1996, KCS đã giới thiệu Kiểm toán sau Thông quan để đối phó với sự gia tăng nhanh chóng của lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và để đẩy nhanh các thủ tục thông quan. Trong vòng 90 ngày sau khi chấp nhận tờ khai nhập khẩu, KCS sẽ kiểm tra từng trường hợp cụ thể về tính đúng đắn của việc nộp thuế và các loại thuế đối với các trường hợp nhập khẩu được lựa chọn điện tử bằng phương pháp quản lý rủi ro. Đây chủ yếu là một cuộc kiểm toán trên giấy tờ. Do đó, thời gian làm thủ tục hải quan giảm mạnh, góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp cũng như cho chính phủ. Phạm vi kiểm toán bao gồm tất cả các hoạt động nhập khẩu / xuất khẩu / nhập khẩu bao gồm phân loại HS và xác định trị giá Hải quan trong 5 năm qua. KCS đặt mục tiêu sàng lọc từng và mọi giao dịch trong khoảng thời gian 5 năm đó thay vì chỉ lấy mẫu một số giao dịch để có thể tối đa hóa các nhiệm vụ bổ sung.

Có ba hình thức kiểm tra sau thông quan chính ở Hàn Quốc :

- Kiểm toán Doanh nghiệp: Được tiến hành thường xuyên (thường là 4 năm một lần);
- Kiểm toán theo kế hoạch: Được tiến hành không thường xuyên (thường nhắm vào một ngành);
- Kiểm toán toàn diện: Được tiến hành thường xuyên đối với các công ty được AEO cấp phép (thường là 5 năm một lần)

Lỗi thông thường

KCS đã xác định một số lý do phổ biến hơn làm giảm sự tuân thủ:

- Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ
Tất cả các tài liệu thương mại liên quan phải được lưu giữ trong vòng năm năm kể từ ngày giao dịch với Hải quan.
- Nhập không chính xác
Tất cả hàng hóa nhập khẩu phải được khai báo với Hải quan theo mẫu đã được phê duyệt, được mô tả chính xác và phân loại chính xác bằng cách sử dụng Biểu thuế hài hòa, và bất kỳ hàng hóa dư thừa nào được báo cáo. Các mặt hàng không đặt hàng, hàng mẫu và hàng khuyến mãi cũng phải được nhập.
- Giá trị hải quan không bao gồm tất cả các chi phí liên quan
Tất cả các chi phí liên quan đến hàng hóa được yêu cầu hợp pháp phải được xem xét khi xác định trị giá tính thuế. Chúng có thể bao gồm các chi phí liên quan đến quảng cáo, hỗ trợ, hoa hồng, tín dụng, phí leo thang, thanh toán gián tiếp, giảm giá, nghiên cứu và phát triển hoặc tiền bản quyền.
- Nguồn gốc được xác định không chính xác
Cần phải có xác nhận xuất xứ của nước xuất xứ để yêu cầu thuế suất ưu đãi.
- Không tiết lộ các giao dịch liên quan
Giá trị của hàng hóa có thể bị ảnh hưởng bởi các giao dịch của các bên liên quan. Có thể cần điều chỉnh giá trị.
- Thông tin không đầy đủ được chuyển cho Công ty môi giới hải quan
Có thể xảy ra sai sót nếu tất cả thông tin liên quan không được chuyển cho người được chọn để hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Tự đánh giá

Mỗi người giao dịch với Hải quan đều có cơ hội được kiểm toán.

17. ƯU ĐÃI VÀ KHUYẾN CÁO HẢI QUAN

17.1 Buôn lậu

Người nào xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu sẽ bị trừng phạt.

Mỗi người sau đây sẽ bị trừng phạt:

- người nhập khẩu hàng hóa mà không khai báo nhập khẩu;
- người nhập khẩu hàng hoá khác với hàng hoá đã nộp tờ khai nhập khẩu .

Mỗi người sau đây sẽ bị trừng phạt:

- người xuất khẩu, trả lại hàng hóa mà không khai báo;
- người xuất khẩu hoặc trả lại hàng hóa khác với hàng hóa đã được nộp tờ khai.

17.2 Giả mạo và Thay đổi Tài liệu Điện tử

Bất kỳ người nào giả mạo hoặc thay đổi thông tin liên quan, bao gồm tài liệu điện tử, v.v. được lưu trữ trong hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc tổ chức kinh doanh môi giới tài liệu điện tử, hoặc người sử dụng thông tin giả mạo hoặc thay đổi đó sẽ bị trừng phạt.

Mỗi người sau đây sẽ bị trừng phạt:

- người vận hành mạng thông tin nhiệm vụ mà không được chỉ định;

- người thực hiện môi giới tài liệu điện tử mà không được chỉ định;
- người làm tổn hại đến thông tin liên quan, bao gồm tài liệu điện tử, v.v. được lưu trữ trong thiết bị điện tử của mạng thông tin nghĩa vụ hoặc bất kỳ tổ chức kinh doanh môi giới tài liệu điện tử nào hoặc vi phạm tính bảo mật của chúng;
- tiết lộ hoặc đánh cắp thông tin bí mật liên quan, bao gồm các tài liệu điện tử, v.v. mà anh / cô ấy đã học được khi thực hiện các công việc kinh doanh của mình.

17.3 Trốn thuế hải quan

Những người sau đây đã khai báo nhập khẩu sẽ bị xử phạt:

- người khai giá trị tính thuế sai hoặc thuế suất sai, v.v. hoặc không khai giá trị tính thuế hoặc thuế suất, v.v. để thực hiện ảnh hưởng đến việc xác định mức thuế;
- người nộp đơn xin kiểm tra trước hoặc kiểm tra lại các tài liệu giả để thực hiện ảnh hưởng đến việc xác định số lượng nhiệm vụ;
- người nhập khẩu hàng hóa dưới dạng linh kiện và các hàng hóa chưa hoàn thiện, chưa hoàn thiện hoặc đã hoàn thiện khác có đặc điểm chính là các thành phần bộ phận nhằm mục đích tránh các hạn chế nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Mỗi người sau đây sẽ bị trừng phạt:

- người khai báo nhập khẩu và nhập khẩu hàng hóa mà không đáp ứng yêu cầu bằng bất kỳ phương tiện bất hợp pháp nào;
- người nộp tờ khai xuất khẩu và xuất khẩu hàng hóa mà không đáp ứng yêu cầu bằng bất kỳ phương tiện bất hợp pháp nào;
- những người được giảm hoặc được miễn thuế Hải quan bằng bất kỳ phương tiện bất hợp pháp nào hoặc trốn tránh việc thu thuế Hải quan được giảm hoặc miễn;
- người được hoàn thuế hải quan bằng bất kỳ phương tiện bất hợp pháp nào;
- người giả mạo giá của hàng hóa với mục đích mua lại hoặc khiến bên thứ ba có được bất kỳ tài sản hoặc lợi ích độc quyền nào.

17.4 Tội phạm cố ý

Một người cố ý tiếp tay hoặc tiếp tay cho bất kỳ hành vi phạm tội nào bị cấm sẽ bị trừng phạt như là phạm bất kỳ hành vi phạm tội chính nào. Một người thực hiện bất kỳ nỗ lực phạm tội nào sẽ bị trừng phạt như phạm bất kỳ hành vi phạm tội chính nào. Hình phạt đối với người chuẩn bị thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào sẽ được giảm nhẹ bằng một nửa hình phạt đối với người phạm tội chính.

17.5 Kháng cáo

Người bị định đoạt bất hợp pháp và không công bằng hoặc người có quyền hoặc lợi ích bị xâm phạm do thiếu sự định đoạt cần thiết có thể gửi yêu cầu đánh giá hoặc yêu cầu xét xử để hủy bỏ hoặc sửa đổi việc định đoạt đó hoặc yêu cầu một sự định đoạt cần thiết .

Người đó có thể nộp đơn phản đối trước khi nộp đơn yêu cầu đánh giá hoặc yêu cầu xét xử, trừ trường hợp việc phản đối đó được điều tra, xác định hoặc xử lý hoặc phải do Hải quan xử lý.

Theo Đạo luật Hải quan, một Ủy ban Khiếu nại Hải quan được thành lập tại KCS để xem xét đánh giá trước, yêu cầu và phản đối, tương ứng.

18. BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI BIÊN GIỚI HẢI QUAN

Không được phép nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào sau đây:

- Quyền đối với nhãn hiệu, việc ban hành được đăng ký;
- Quyền tác giả và các quyền lân cận;
- Quyền bảo hộ đa dạng được tạo ra và đăng ký;
- Quyền chỉ dẫn địa lý hoặc quyền chỉ dẫn địa lý được đăng ký theo các hành vi liên quan hoặc được chỉ định để bảo hộ theo các hiệp ước, thỏa thuận, v.v.;
- Quyền sáng chế, việc ban hành đã được đăng ký;
- Quyền thiết kế, việc ban hành đã được đăng ký.

Cơ quan Hải quan có thể yêu cầu cá nhân, v.v. đã đăng ký quyền sở hữu trí tuệ được đề cập hoặc việc ban hành quyền đó theo các quy chế liên quan nộp báo cáo về các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ được đề cập.

Cơ quan Hải quan thông báo cho người đã khai báo đã nộp tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa liên quan, khai chuyển khẩu, trung chuyển kết hợp, đưa vào khu vực ngoại quan, vận chuyển ngoại quan, tạm dỡ.

Trong những trường hợp như vậy, người nhận được thông báo có thể cung cấp bảo mật cho cơ quan Hải quan và yêu cầu họ giữ lại giấy thông quan đối với hàng hóa liên quan hoặc tạm giữ chúng. Một người có ý định bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình cũng có thể đề nghị bảo đảm cho Hải quan và yêu cầu người đó giữ lại việc làm thủ tục Hải quan đối với hàng hóa liên quan hoặc tạm giữ chúng.

Cơ quan Hải quan khi nhận được yêu cầu sẽ giữ lại việc thông quan đối với hàng hóa liên quan hoặc tạm giữ hàng hóa đó trừ khi có căn cứ đặc biệt ngăn cản việc thông quan hàng hóa đó. Người đã khai báo xuất khẩu, nhập khẩu, v.v. cung cấp bảo mật và yêu cầu thông quan, hoặc giải phóng tạm giữ, có thể cho phép thông quan hoặc tạm giữ hàng hóa liên quan, ngoại trừ những hàng hóa sau:

- Hàng hóa mang nhãn hiệu giả mạo hoặc tương tự, do đó vi phạm quyền đối với nhãn hiệu;
- Hàng hóa sao chép bất hợp pháp vi phạm bản quyền, v.v.;
- Hàng hóa sử dụng tên giống hoặc tên giống tương tự vi phạm quyền bảo hộ giống;
- Hàng hóa sử dụng chỉ dẫn địa lý giả mạo hoặc tương tự, vi phạm quyền chỉ dẫn địa lý, v.v. ...;
- Hàng hóa sử dụng sáng chế, cơ sở đã được cấp bằng sáng chế, do đó vi phạm quyền sáng chế;
- Hàng hóa sử dụng kiểu dáng giống hoặc tương tự, do đó vi phạm quyền thiết kế.

Nếu rõ ràng rằng hàng hóa đã vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào, cơ quan Hải quan có thể tạm giữ thông quan

đối với hàng hóa đó hoặc tạm giữ hàng hóa đó. Trong những trường hợp như vậy, người đứng đầu Cơ quan Hải quan có trách nhiệm thông báo kịp thời cho người đã khai báo hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ... về hàng hoá có liên quan.



19. NHÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐƯỢC ỦY QUYỀN (AEO)

AEO[1] là viết tắt của “Nhà điều hành kinh tế được ủy quyền”, và AEO có nghĩa là công ty mà KCS đã chính thức chứng nhận là một pháp nhân kinh doanh xuất sắc sau khi kiểm tra tính phù hợp của nó theo các tiêu chí ủy quyền về tuân thủ pháp luật, hệ thống kiểm soát nội bộ, khả năng thanh toán tài chính và quản lý an ninh.

Để phù hợp với sự thay đổi của môi trường Hải quan toàn cầu, Hàn Quốc cũng đã triển khai chương trình AEO chính thức vào tháng 4 năm 2009 sau khi trải qua quá trình chuẩn bị bao gồm thực hiện nghiên cứu về hệ thống, ban hành luật và pháp lệnh, và tiến hành một dự án thử nghiệm. Có tất cả 9 loại bên liên quan: nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà môi giới hải quan, nhà khai thác kho (ngoại quan), nhà vận tải (ngoại quan), người giao nhận hàng hóa, người vận chuyển đường biển, người vận chuyển hàng không và người vận chuyển mặt đất.

19.1 Tiêu chí Ủy quyền và Xếp hạng

Tiêu chí ủy quyền của AEO bao gồm bốn lĩnh vực: tuân thủ pháp luật, hệ thống kiểm soát nội bộ, khả năng thanh toán tài chính và quản lý an ninh. Các điểm chính của mỗi lĩnh vực được tóm tắt như sau:

Đầu tiên, bất kỳ công ty nào mong muốn có được trạng thái AEO phải không có bất kỳ lý do gì bị loại theo quy định của Ủy viên Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc và duy trì bản thân trên một mức nhất định về mặt tuân thủ pháp luật.

Thứ hai, hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty là một hệ thống được thiết lập riêng để nâng cao tính tuân thủ pháp luật và phải được duy trì trên một mức nhất định theo quy định trong Thông báo công khai về các vấn đề ủy quyền và quản lý của AEO.

Thứ ba, để được công nhận là lành mạnh về mặt tài chính, một công ty không được thiếu bất kỳ khoản thanh toán nào. Nếu có bất kỳ khoản nợ nào tồn tại, thì khoản nợ đó phải phản ánh tỷ lệ nợ nhỏ hơn 200% tỷ lệ nợ trung bình của ngành tương ứng hoặc doanh nghiệp phải là công ty cấp đầu tư.

Thứ tư, quản lý an ninh gồm 8 tiêu chí: quản lý đối tác kinh doanh, phương tiện đi lại,...; kiểm soát truy cập; quản lý nhân sự; xử lý thủ tục quản lý; quản lý cơ sở vật chất & thiết bị; quản lý thông tin & công nghệ; và giáo dục và đào tạo. Bất kỳ công ty nào muốn có được trạng thái AEO đều phải duy trì bản thân trên một mức nhất định trong từng khu vực theo quy định của Ủy viên Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc .

Các hạng chứng chỉ AEO được xác định như sau bằng cách đo lường mức độ tuân thủ pháp luật của các công ty đáp ứng các tiêu chí về khả năng thanh toán tài chính và quản lý an ninh và có điểm đánh giá không dưới 80 điểm

về hệ thống kiểm soát nội bộ của họ. Tuy nhiên, các công ty có điểm đánh giá tuân thủ pháp luật dưới 70 điểm sẽ không đủ điều kiện để được AEO ủy quyền.

- **LỚP "A"**: Các công ty có điểm đánh giá tuân thủ pháp luật từ 80 điểm trở lên
- **LỚP "AA"**: Các công ty có điểm đánh giá tuân thủ pháp luật từ 90 điểm trở lên
- **LỚP "AAA"**: Các công ty có điểm đánh giá tuân thủ pháp luật từ 95 điểm trở lên được công nhận là có một hoặc nhiều trường hợp mẫu mực có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp khác liên quan đến các lĩnh vực như tuân thủ pháp luật, theo kết quả của một kiểm toán toàn diện giữa các nhà điều hành kinh tế được ủy quyền (AEO).

19.2 Sự cần thiết và lợi ích

Sự cần thiết có thể được cho là giá trị cao nhất của tất cả các hệ thống. Sự cần thiết của ủy quyền AEO dựa trên các yêu cầu sau:



Thứ nhất: Điều khoản và điều kiện giao dịch

Khi xã hội quốc tế gần đây ngày càng quan tâm nhiều hơn đến an ninh hậu cần, các điều khoản và điều kiện thương mại cũng ngày càng trở nên phức tạp hơn. Ngoài việc yêu cầu đáp ứng các điều kiện thương mại hiện có, ngày càng nhiều công ty xác định ủy quyền AEO như một điều kiện tiên quyết cho thương mại. Do đó, các công ty không đáp ứng các tiêu chí AEO có thể gặp phải phạm vi đối tác thương mại hoặc hoạt động của họ ngày càng thu hẹp hoặc gặp phải những bất lợi không mong muốn.

Thứ hai: Nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu

Thủ tục hải quan nhanh chóng là vấn đề quan tâm nhất của các nhà xuất khẩu. Công ty tư nhân có những hạn chế trong khả năng tự giải quyết các vấn đề về thủ tục hải quan vì các công ty tư nhân khó kiểm soát những vấn đề này, họ thiếu hiểu biết về luật pháp và các quy định hoặc hệ thống địa phương và các quốc gia khác nhau thực hiện các cơ quan Hải quan khác nhau và có môi trường cơ sở hạ tầng khác nhau. Tuy nhiên, AEO có thể giải quyết những vấn đề này. Vì các công ty được chứng nhận AEO được Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc tin cậy và được xã hội quốc tế công nhận, chúng ta có thể giải quyết các rào cản thương mại và nâng cao tính toàn diện xuất khẩu của mình thông qua AEO.

Thứ ba: Các lợi ích khác nhau dành cho AEO

Vì AEO là các công ty đáng tin cậy được nhà nước chứng nhận, nên họ có thể được đảm bảo các thủ tục thương mại nhanh hơn và đơn giản hơn khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa. Ngoài ra, khi các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) được ký kết với các quốc gia khác đang thực hiện hệ thống AEO, các AEO sẽ được cung cấp các lợi ích đa dạng bao gồm sự thuận tiện của việc thông quan nhanh chóng như giảm tỷ lệ kiểm tra ở các quốc gia đối tác MRA. Do đó, AEO có thể giảm thời gian giao hàng và các chi phí khác nhau cho thương mại quốc tế.

Các Hàn Quốc Dịch vụ Hải quan cung cấp các công ty AEO với nhiều lợi ích bao gồm thanh tra và thủ tục được đơn giản hóa, giảm gánh nặng tài chính và rất nhiều tiện lợi. Thông qua những lợi ích này, KCS thực hiện quản lý rủi ro khác biệt cho các AEO so với các công ty không thuộc AEO. Ngoài ra, KCS đang nỗ lực để tạo ra những lợi ích hơn nữa cho các công ty AEO. Nếu bạn có bất kỳ ý tưởng hay nào để khai thác thêm các lợi ích, đề xuất chúng với KCS là một phương pháp tốt để khai thác các lợi ích mới.

19.3 Quản lý sau

Quản lý sau là những gì các công ty được AEO chứng nhận nên làm sau khi được AEO ủy quyền để duy trì hiệu lực của nó. Cụ thể hơn, nó có nghĩa là quản lý các hành vi sau khi ủy quyền như báo cáo bất kỳ thay đổi nào, thực hiện tự kiểm tra thường xuyên, thực hiện đánh giá toàn diện, v.v.

Và hiệu lực của ủy quyền AEO được cấp cho một công ty là ba năm kể từ ngày chứng chỉ AEO được cấp bởi Ủy viên Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc, và bất kỳ công ty nào muốn duy trì trạng thái AEO của mình ngay cả sau thời gian hiệu lực đều phải gia hạn ủy quyền AEO của nó.

19.4 Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của AEO

Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của AEO (AEO MRA) có nghĩa là mỗi quốc gia ký kết chấp nhận coi quốc gia đối tác của mình ngang bằng với hệ thống AEO của chính họ. Nói cách khác, nếu một thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau được ký kết giữa hai quốc gia cùng thực hiện hệ thống AEO, thì các công ty AEO của mỗi quốc gia đó sẽ nhận được lợi ích tương tự từ Cơ quan Hải quan của nước đối tác như họ nhận được từ Cơ quan Hải quan của nước mình. Mặc dù hệ thống AEO được dựa trên Khung An toàn WCO, và bởi vì Khung không ràng buộc pháp lý, mỗi nước sẽ sử dụng các hệ thống AEO theo một cách nào đó phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Theo đó, các quốc gia khác nhau có ít nhiều hệ thống AEO khác nhau. Do đó, những khó khăn nảy sinh trong đó để nhận được các lợi ích liên quan đến thông quan ở nước ngoài mà họ kinh doanh, xuất khẩu và/hoặc các công ty liên quan đến nhập khẩu phải tham gia hệ thống AEO của quốc gia đó ngay cả khi họ đã được AEO cho phép quốc gia của họ hoặc các quốc gia. Do đó, MRA đã được phát triển để kết nối các hệ thống AEO do cơ quan Hải quan của các quốc gia khác nhau thực hiện.

20. HỢP TÁC HẢI QUAN NỘI BỘ

Gia nhập wco từ năm 1968, Hàn Quốc tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế và các hoạt động liên quan đến Hải quan. KCS đã tham gia vào các vấn đề Hải quan quốc tế như ASEAN + 3, APEC,



ASEM, WCO và WTO. Là một nền kinh tế mới nổi, Hàn Quốc gia nhập OECD vào năm 1996. Hàn Quốc gia nhập WTO năm 1997 và đã quyết định chỉ định tất cả các điều khoản của Hiệp định theo Loại A của hiệp định TFA của WTO.

WCO đã thông qua một công ước song phương mẫu về hỗ trợ hành chính lẫn nhau để các nước thực hiện như một phần của chính sách Hải quan quốc gia. KCS đã sử dụng mô hình này làm cơ sở để đàm phán các Hiệp định Tương trợ Hải quan (CMAA) với các cơ quan hành chính nước ngoài khác.

Sau đây là các công ước quốc tế chính liên quan đến Cục Hải quan mà Hàn Quốc đã tham gia:

Bảng 7 Công ước quốc tế liên quan đến Cơ quan Hải quan

Các Công ước Quốc tế liên quan đến Cơ quan Hải quan	Các cơ quan liên quan
Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT)	WTO
Hiệp định Marrakech về việc thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới	"
1994 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT)	"
Hiệp định Thực hiện Điều VI của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại	"
Hiệp định về việc Thực hiện Điều VII của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại và Nghị định thư theo đó	"
Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng	"
Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ	"
Hiệp định tạo thuận lợi thương mại	"
Công ước thành lập Hội đồng hợp tác hải quan	WCO
Công ước Hải quan về Tạm thời Nhập khẩu Bao bì	"
Công ước Hải quan liên quan đến Cơ sở vật chất cho Nhập khẩu Hàng hóa Trưng bày hoặc Sử dụng tại Triển lãm, Hội chợ, Cuộc họp hoặc Sự kiện tương tự	"
Công ước Hải quan về Điều kiện Phúc lợi cho Thuyền viên	"
Công ước Hải quan về Nhập khẩu Tạm thời Thiết bị Chuyên nghiệp	"

Công ước Hải quan về chấp nhận nhập khẩu tạm thời hàng hóa (Công ước ATA)	#
---------------------------------------------------------------------------	---

Các Công ước Quốc tế liên quan đến Cơ quan Hải quan	Các cơ quan liên quan
Công ước Hải quan về Nhập khẩu Tạm thời Thiết bị Khoa học	"
Công ước Hải quan về Nhập khẩu Tạm thời Tài liệu Sư phạm	"
Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan	"
Công ước Hải quan về Vật chứa, 1972	"
Công ước quốc tế về hệ thống mã hóa và mô tả hàng hóa hài hòa và Nghị định thư sửa đổi	"
Nghị định thư sửa đổi Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan	"
Công ước duy nhất về thuốc gây nghiện, năm 1961	UN và những người khác
Công ước quốc tế về tạo thuận lợi cho việc nhập khẩu các mẫu thương mại và tài liệu quảng cáo	"
Công ước về các biện pháp cấm và ngăn chặn việc nhập khẩu, xuất khẩu và chuyển giao bất hợp pháp quyền sở hữu tài sản văn hóa	"
Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp	"
Nghị định thư sửa đổi Công ước duy nhất về ma túy, năm 1961	"
Công ước về các chất hướng thần	"
Công ước hải quan về vận chuyển hàng hóa quốc tế dưới vỏ bọc của mạng lưới TIR (Công ước TIR)	"
Công ước Basel về kiểm soát sự di chuyển xuyên biên giới của các chất thải nguy hại và việc thải bỏ chúng	"
Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp ma túy và các chất hướng thần	"
Công ước Thành lập Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO)	WIPO
Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp	"
Công ước về hàng không dân dụng quốc tế	ICAO
Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do đổ chất thải và các vấn đề khác	IMO

-----<----->-----^<<-----^^

21. THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI

Mọi sản phẩm làm tăng hoặc giảm nguồn lực vật chất của quốc gia do nhập lậu (nhập khẩu) hoặc đưa (xuất khẩu) sang lãnh thổ kinh tế của quốc gia khác đều được ghi nhận. Các mặt hàng, chỉ đơn giản là đi qua (chuyển hàng hóa) và tạm thời được vận chuyển và chuyển ra, không được đưa vào thống kê thương mại.

21.1 Thống kê thương mại thông thường

Thống kê thương mại thông thường là số liệu thống kê về tất cả các sản phẩm đang di chuyển giữa Hàn Quốc và nước ngoài hoặc được lên kế hoạch di dời, được điều chỉnh cho thống kê thương mại.

Phân loại quốc gia dựa trên tiêu chuẩn phân loại mã ISO về thống kê thương mại, các nước xuất khẩu là nước đến cuối cùng và nước nhập khẩu là nước xuất xứ.

Về nguyên tắc, việc trình bày số tiền sẽ bằng đô la Mỹ và việc xuất khẩu sẽ dựa trên giá xuất xưởng (FOB) và nhập khẩu, bảo hiểm chi phí và cước phí (CIF).

21.2 Thống kê thương mại đặc biệt

Thống kê hàng hóa

Thống kê hàng hóa (thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu) là thống kê các lô hàng xuất đi từ các nước và khi đến (nhập cảng) tại Hàn Quốc thì chúng được mang vào (nhập khẩu) hoặc mang đi (xuất khẩu).

Thống kê thương mại quá cảnh

Số liệu thống kê thương mại quá cảnh đề cập đến số liệu thống kê các mặt hàng ban đầu được vận chuyển từ nước ngoài, được vận chuyển đến các quốc gia khác mà không cần thông qua Hải quan tại Hàn Quốc bằng cách tạm thời hạ cảnh tại các khu vực ngoại quan hoặc bến tàu để bốc hàng hoặc chuyển sang nơi khác phương tiện di chuyển không hạ cảnh. Đối với mặt hàng vận chuyển quá cảnh, quy định là người gửi hàng ở nước ngoài. Số liệu thống kê thương mại quá cảnh được sử dụng vào ngày nhập cảng hoặc ngày khởi hành.

Thống kê thương mại trung gian

Thống kê thương mại trung gian đề cập đến số liệu thống kê các mặt hàng được nhập khẩu với mục đích thông qua Hải quan xuất khẩu và xuất khẩu sang nước thứ ba mà không được đưa vào Hàn Quốc ngoài khu vực ngoại quan và nơi được phép lưu giữ bên ngoài khu vực ngoại quan. Đối với thương phẩm trung gian, quy định là người giao hàng ở Hàn Quốc

21.3 Các tiêu chuẩn về hoan thiện và phương pháp

Nguyên tắc cơ bản

Hàn Quốc cũng sử dụng khái niệm và nguyên tắc thống kê thương mại quốc tế của Liên hợp quốc được sử dụng làm chỉ số quốc tế. Thống kê thương mại bao gồm sự di chuyển của các vật phẩm đi qua ranh giới, làm tăng lượng tài nguyên cho Hàn Quốc.

Phân loại hàng hóa

HSK được sử dụng để phân loại các mặt hàng xuất nhập khẩu.

Phạm vi Chiếm đoạt

Các giao dịch sau được miễn trừ khỏi thống kê thương mại

- Các mặt hàng đưa vào và đưa ra khu vực bán hàng ngoại quan;
- Các mặt hàng bị trả lại trước khi chấp nhận tờ khai nhập khẩu;
- Vàng, bạc, chứng khoán, tiền kim loại và tiền giấy đang sử dụng;
- Các mặt hàng ATA Carnet;
- Vật phẩm được mang vào hoặc nhập lậu để kiểm tra hoặc sửa chữa;
- Vật phẩm tạm nhập, xuất khẩu phục vụ các sự kiện, cuộc thi, triển lãm quốc tế;
- Vật phẩm của nhà ngoại giao;
- Các mặt hàng được cho thuê dưới một năm;
- Các mặt hàng cho các mẫu thương mại hoặc quảng cáo;
- Các mặt hàng thường không liên quan đến thương mại;

Asia

- Phạm vi khu vực: Các mặt hàng được vận chuyển đến và ra khỏi Bắc Hàn Quốc được miễn trừ khỏi thống kê thương mại..

Chuyển đổi tiền tệ

Đơn vị tiền tệ của mỗi quốc gia nên được quy đổi thành đồng won theo tỷ giá hối đoái công bố hàng tuần và số tiền đồng won sẽ được quy đổi sang đô la Mỹ và số tiền đó sẽ được áp dụng cho tờ khai xuất nhập khẩu.

Sửa lỗi

Việc kiểm tra các lỗi trong dữ liệu đã nhập được thực hiện bằng cách sử dụng đơn giá trung bình trên mỗi HSK. Với phương pháp này, dữ liệu có sai sót được thu thập và kiểm tra. Dữ liệu được xác nhận là sai sót được sửa chữa trước khi trình bày thống kê theo tháng / năm thông qua hệ thống sửa lỗi.

22. LỊCH TRÌNH VÀ THỜI GIAN LÀM VIỆC

Vui lòng truy cập trang web để biết Lịch trình của KCS.

23. TRANG WEB CHÍNH THỨC

- Trang web chính thức của KCS: <http://www.customs.go.kr>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. KCS: <http://www.customs.go.kr>.
2. WCO: <http://www.wcoomd.org>.
3. FTA HÀN QUỐC: <http://fta.go.kr>.
4. ROK/WTO: https://www.wto.org/english/thewto_e/countries_e/Hàn_Quốc_republic_e.htm.
5. Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng: <http://english.motie.go.kr>.

PHỤ NHẬN CHUNG

Sách điện tử về Thủ tục Hải quan Đông Á này được biên tập để cung cấp cho các nhà sản xuất, thương nhân và các nhà cung cấp dịch vụ liên quan thông tin toàn diện và tài liệu tham khảo chi tiết về các thủ tục Hải quan ở 10 nước thành viên ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản và Cộng hòa Hàn Quốc mà không có bất kỳ mục đích thu lợi nhuận nào.

Tất cả thông tin, tài liệu bao gồm và quan điểm, ý kiến được thể hiện trong sách điện tử này là của những người biên tập và không nhất thiết phản ánh những thông tin của EABC Trung Quốc (cũng là CCPIT) và EABC. Về vấn đề này, EABC Trung Quốc (cũng là CCPIT) và EABC muốn khẳng định lại rằng sách điện tử này sẽ không được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho quy trình tư pháp và hành chính.

Nội dung của sách điện tử này chỉ dành cho mục đích tham khảo kinh doanh thông thường và không đóng góp vào lời khuyên hoạt động trực tiếp trong thực tiễn thương mại. Trong mọi trường hợp, các biên tập viên sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, khai báo sai hoặc trình bày sai nào đã vô tình xảy ra trong quá trình xuất bản.

Do thông tin và tài liệu bằng tiếng Anh rất hạn chế, người biên tập không thể đảm bảo hoàn toàn độ tin cậy, tính đầy đủ và chính xác của tất cả thông tin và tài liệu được đưa vào, đồng thời người biên tập sẽ không đảm bảo rằng nội dung của sách điện tử này sẽ không được thay đổi, theo thời gian.

Không một phần nào của sách điện tử này có thể được xuất bản, sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất, hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, tái bản, dịch, rút gọn và sửa đổi toàn bộ hoặc một phần dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của chủ bản quyền. Bất kỳ ai muốn trích dẫn nội dung của sách điện tử này cũng phải ghi nguồn.

Mọi nỗ lực nhằm mục đích thu lợi nhuận trong quá trình nêu trên đều không được phép của chủ thể quyền.

Hội đồng Xúc tiến Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CCPIT)

Địa chỉ: Số 1 Đại lộ Fuxingmenwai , Quận Xicheng, Bắc Kinh PRC 100860 Điện thoại: +86 10 88075000

Fax: +86 10 68011370

Trang web: <http://www.ccpit.org>